

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRUNG VƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **43** /BC-UBND

Trung Vương, ngày 08 tháng 05 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao đến năm 2022 của xã Trung Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG:

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã.

1.1. Vị trí địa lý

Xã Trung Vương nằm phía Đông Nam thành phố Việt Trì, cách trung tâm thành phố khoảng 3km. Có vị trí giao thông thuận lợi, không xa trung tâm Thành phố, có trục đường Nguyễn Tất Thành chạy qua, bên cạnh đó xã Trung Vương nằm trong định hướng quy hoạch chung của Thành phố. Đây là vùng đất quy hoạch có nhiều thuận lợi trong việc thu hút các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm khai thác quỹ đất xây dựng có giá trị.

Vị trí địa lý:

Phía Đông giáp dòng sông Lô.

Phía Tây giáp với phường Tiên Cát, phường Thọ Sơn.

Phía Nam giáp với phường Thanh Miếu, xã Sông Lô.

Phía Bắc giáp với phường Dữu Lâu, phường Tân Dân.

Xã có địa hình gò đồi thoải xen kẽ các cánh đồng hẹp, hồ đầm và kênh mương nối liền Đầm Cả với trạm bơm tiêu thoát ra Sông Lô, cao độ trung bình thấp so với toàn Thành phố, kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho sản xuất nông nghiệp còn nhiều hạn chế.

Nhân dân có truyền thống lao động cần cù, có trình độ thâm canh cao về nông nghiệp. Tình hình an ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội giữ vững, đời sống vật chất tinh thần của nhân dân ngày càng nâng lên, bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc.

1.2. Tài nguyên:

Về phân bổ đất đai: Tổng diện tích đất tự nhiên: 578,06 ha

Trong đó: - Đất nông nghiệp: 248,01 ha chiếm 42,90%.

- Đất phi nông nghiệp: 329,32 ha chiếm 56,97%

- Đất chưa sử dụng: 0,73 ha chiếm 0,13%.

1.3. Dân số.

Xã Trung Vương có 09 khu dân cư, dân số đến thời điểm hiện tại có: 2.575 hộ với 8.603 nhân khẩu.

Đảng bộ xã Trung Vương, đến nay có 563 Đảng viên sinh hoạt tại 15 chi bộ. Trong đó có: 09 chi bộ khu dân cư, 03 chi bộ trường học. 01 chi bộ Quỹ tín dụng Nhân dân xã, 01 Chi bộ Công an xã Trung Vương, 01 Chi bộ Công ty TNHH Dược phẩm Hồng Đức.

Thu nhập bình quân đầu người: ước đạt 51,5 triệu đồng/người/năm. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2022 còn: 0,63 %.

2. Thuận lợi.

Ngay sau khi được chuẩn nông thôn mới từ năm 2017, xã đã tập trung phần đầu xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Trong quá trình khai thực hiện luôn được sự quan tâm lãnh đạo của Thành ủy, UBND thành phố Việt Trì, sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy, sự điều hành kiên quyết của chính quyền, sự phối hợp chặt chẽ của Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt nhân dân chung sức, đồng lòng xây dựng nông thôn mới. Sự đóng góp ủng hộ của các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong việc triển khai xây dựng.

Khi triển khai xây dựng xã nông thôn mới nâng cao theo tiêu chí tại quyết định 2662/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020 gồm 17 tiêu chí, đến ngày 23/9/2022 UBND tỉnh Phú Thọ ban hành quyết định 2517/QĐ-UBND về việc ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới và Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021 - 2025 gồm 19 tiêu chí, 75 chỉ tiêu. Do đó, việc thực hiện phải cần phải có sự nỗ lực, quyết tâm rất cao của cả hệ thống chính trị để phấn đấu xã Trung Vương hoàn thành xây dựng NTM nâng cao trong năm 2023.

Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Trung Vương có truyền thống đoàn kết, hăng hái, nhiệt tình, trách nhiệm, chung sức, chung lòng xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành của chính quyền địa phương, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Sự chỉ đạo thực hiện các tiêu chí, nội dung công việc của cán bộ từ xã đến khu dân cư đã được cụ thể hóa từng việc, phân định thời gian thực hiện công việc rõ ràng.

Trong công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội hàng năm của địa phương đều căn cứ vào Đề án, Kế hoạch xây dựng nông thôn mới của xã để triển khai và tổ chức thực hiện.

Nguồn vốn của chương trình đầu tư cho địa phương được thực hiện hiệu quả, thiết thực trên các lĩnh vực như: Xây dựng đường giao thông nông thôn, trường học, tu bổ, tôn tạo các công trình di tích LSVH, xây mới, nâng cấp các nhà văn hóa KDC, phát triển sản xuất... góp phần nâng cao thu nhập và mức sống cho người dân.

3. Khó khăn:

Dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp và kéo dài, có thời điểm bùng phát mạnh trên địa bàn xã, đến tháng 5/2021 dịch bệnh mới được kiểm soát. Do vậy có tầm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống Nhân dân và tiến độ triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã.

Sự tác động của mặt trái cơ chế thị trường đã ảnh hưởng tiêu cực đến triển khai các nội dung chương trình xây dựng Nông thôn mới. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và nhân dân còn tư tưởng trông chờ, ỷ nại vào hỗ trợ đầu tư của Nhà nước, một số tiêu chí thực hiện khó khăn vì nguồn lực đầu tư lớn trong việc thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN:

Ngay khi bắt tay vào xây dựng xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn xã, Ban chỉ đạo xây dựng Nông thôn mới, UBND xã Trung Vương đã căn cứ vào văn bản các cấp để triển khai thực hiện cụ thể như sau:

- Quyết định số: 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số: 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025.

- Kế hoạch số: 2870/KH-UBND ngày 27/7/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số: 2517/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021 -2025.

- Căn cứ Quyết định số: 11936/QĐ-UBND ngày 14/12/2011 của UBND thành phố Việt Trì về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Trung Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011- 2015;

- Căn cứ Quyết định số: 3958/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND thành phố Việt Trì về phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Trung Vương, thành phố Việt Trì, giai đoạn 2011- 2015;

- Các văn bản hướng dẫn thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 của các Bộ, ngành Trung ương và của các Sở, ban ngành của Tỉnh.

III. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO.

1. Công tác chỉ đạo, điều hành:

Trong những năm qua, thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh, Thành phố về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Ban chấp

hành Đảng bộ, UBND xã Trung Vương đã ban hành Nghị quyết lãnh đạo, các quyết định thành lập các Ban; tổ chức điều tra, khảo sát, lập Đề án Quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới; triển khai thông tin trên hệ thống truyền thanh, triển khai các hội nghị lấy ý kiến Nhân dân tại các khu dân cư; hoàn thiện đề án, báo cáo UBND thành phố Việt Trì phê duyệt; HĐND xã thảo luận ra Nghị quyết tổ chức thực hiện.

Sau nhiều năm tích cực triển khai xây dựng chương trình NTM tại địa phương; Trong giai đoạn 2016 - 2020 xã Trung Vương được Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ công nhận Xã đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2017 tại Quyết định số 3665/QĐ - UBND ngày 28/12/2017.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Việt Trì lần thứ XX, Nghị quyết đại hội Đảng bộ xã Trung Vương lần thứ IX nhiệm kỳ 2020 - 2025 về việc tiếp tục xây dựng Nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã.

Căn cứ Kế hoạch số 2173/KH-UBND ngày 27/8/2021 của UBND Thành phố về kế hoạch xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025.

Thực hiện Nghị quyết số 22/NQ-ĐU ngày 21/8/2021 của Đảng bộ xã Trung Vương về việc lãnh đạo về phát triển kinh tế xã hội và thực hiện các tiêu chí xã Nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn xã Trung Vương giai đoạn 2021 - 2025.

Ủy ban nhân dân xã Trung Vương đã xây dựng Kế hoạch số 56/KH - UBND ngày 06 tháng 9 năm 2021 xây dựng xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

Ngày 10/9/2021, UBND xã Trung Vương đã ban hành Quyết định số 146/QĐ-UBND thành lập Ban quản lý (BQL) xây dựng nông thôn mới nâng cao xã Trung Vương giai đoạn 2021-2025, gồm 24 đồng chí. Năm 2022 được kiện toàn theo Quyết định số 24/QĐ-UBND, ngày 04/4/2022; Báo cáo số 04/BC-UBND ngày 15/01/2021 báo cáo kết quả triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020, kế hoạch năm 2021; Báo cáo số 09/BC-UBND ngày 18/2/2022 báo cáo tiến độ xây dựng Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 -2025 và triển khai thực hiện các nội dung cho đến nay đã đạt được những kết quả nhất định.

Ban chỉ đạo xây dựng xã nông thôn mới xã Trung Vương: được thành lập từ 19/9/2011, thường xuyên được bổ sung, kiện toàn khi có sự thay đổi về vị trí công tác của các đồng chí trong BCD, gồm Trưởng BCD là Bí thư đảng ủy, Chủ tịch HĐND, các thành viên là Ủy viên BCH Đảng bộ, bí thư các chi bộ trực thuộc;

Ban quản lý nông thôn mới: Do UBND xã thành lập và được kiện toàn theo QĐ số: 146/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND xã Trung Vương.

Quy định trách nhiệm, nhiệm vụ của BCD; BQL; Ban xây dựng và phân công nhiệm vụ cho các thành viên BCD; BQL; Ban xây dựng Nông thôn mới khu dân cư:

2. Công tác truyền thông, đào tạo tập huấn:

a) Công tác truyền thông.

Đảng ủy, UBND xã đã tổ chức quán triệt về mục đích, nội dung của chương trình đến 100% cấp ủy Đảng, cán bộ công chức, các tổ chức đoàn thể, chi bộ và khu dân cư. Chỉ đạo, tuyên truyền tới các tầng lớp Nhân dân để toàn dân hiểu và tích cực chung tay tham gia chương trình xây dựng Nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

Đài truyền thanh xã tăng thời lượng phát tin bài, từ năm 2021 đến nay đã có hàng trăm lượt tin bài được phát thanh tuyên truyền, phổ biến về các hoạt động của chương trình.

Các tổ chức, đoàn thể và Nhân dân tích cực vận động thành viên, hội viên tham gia thực hiện chương trình bằng các phong trào thiết thực, cụ thể như: Ủy ban MTTQ xã tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động **“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng Nông thôn mới nâng cao”**. Các Hội đoàn thể: Hội liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên xã.. đã có các chương trình, hoạt động cụ thể gắn với việc phát triển Nông thôn mới tại địa phương.

Thực hiện kẻ vẽ, treo 65 lượt panô, 12 áp phích, 25 băng rôn khẩu hiệu tuyên truyền tại trụ sở UBND xã, điểm công cộng tập trung đông dân cư và nhà văn hoá các khu dân cư trên địa bàn xã.

Đảng ủy, HĐND, UBND, các đoàn thể xã đã tổ chức nhiều hội nghị triển khai tuyên truyền về nội dung thực hiện đề án xây dựng Nông thôn mới nâng cao trong phạm vi địa bàn xã.

Công tác tuyên truyền vận động được coi trọng đã góp phần quan trọng giúp cán bộ và Nhân dân có nhận thức đúng về chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới, thay đổi nếp nghĩ, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, khơi dậy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong Nhân dân, tạo động lực to lớn biến chương trình thành phong trào thực hiện rộng lớn trên toàn xã.

Tích cực tuyên truyền vận động người dân tham gia xây dựng Nông thôn mới nâng cao, huy động các nguồn lực để củng cố các tiêu chí đã đạt được, hoàn thiện những tiêu chí còn thiếu, chỉ đạo các Khu dân cư tu sửa, chỉnh trang các nhà văn hóa, vận động Nhân dân đầu tư chỉnh trang nhà cửa, trồng cây, hoa tường rào, vệ sinh đường làng, ngõ xóm, làm tốt công tác vệ sinh môi trường. Do làm tốt công tác tuyên truyền nên cán bộ và Nhân dân trong xã hiểu về ý nghĩa và tầm quan trọng của chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, từ đó đã nhận được sự đồng tình ủng hộ của Nhân dân.

b) Công tác đào tạo, tập huấn:

Trưởng ban chỉ đạo, Trưởng ban quản lý, cán bộ làm công tác giúp việc Ban quản lý nông thôn mới xã và Chủ tịch UB MTTQ xã, công chức chuyên môn... thường xuyên tham gia các lớp tập huấn kiến thức về nông thôn mới nâng cao theo quy

định của các tổ chức cấp trên triệu tập; được tập huấn do Văn phòng điều phối chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Phú Thọ và thành phố Việt Trì triển khai tập huấn, hướng dẫn văn bản của các cấp, các ngành để tổ chức thực hiện, tập trung công tác tuyên truyền về xây dựng xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo.

UBND xã đã phối hợp với các tổ chức hội, ngành cấp trên, các đoàn thể của địa phương tuyên truyền vận động Nhân dân tham gia các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn được 08 lớp. 01 lớp nghề cắt tỉa cây cảnh, 01 lớp chăn nuôi lợn nái và gia cầm, lớp nghề nuôi ong mật, nuôi thả cá ao hồ, lớp học nấu ăn; trồng cây có múi tại địa phương, trồng hoa đào... với tổng số người tham gia là hơn 300 học viên.

Chỉ đạo các cán bộ công chức chuyên môn phối hợp với cơ quan ngành dọc tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ phục vụ địa phương để đẩy mạnh công tác xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân.

a) Công tác phát triển sản xuất nông nghiệp:

Nhằm tăng giá trị trên một đơn vị diện tích canh tác, nâng cao thu nhập cho người dân. UBND xã chỉ đạo HTX Nông nghiệp Lâu Thượng tập trung chỉ đạo áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nuôi trồng, chăn thả. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi sâu bệnh trên cây trồng và dịch bệnh trong chăn nuôi gia súc, gia cầm. Vận động nhân dân thực hiện phun thuốc phòng trừ sâu bệnh, dịch bệnh đúng lịch để hạn chế được các loại sâu bệnh trên cây trồng, dịch bệnh trong chăn nuôi từ đó đã góp phần ổn định tăng năng suất, sản lượng, chất lượng sản phẩm trên địa bàn.

Đẩy mạnh hoạt động dịch vụ trong Hợp tác xã nông nghiệp Lâu Thượng, phát triển ngành nghề, dịch vụ; chú trọng cung ứng dịch vụ sản xuất nông nghiệp, liên kết với các đơn vị cung ứng giống lúa năng suất, chất lượng cao, các giống cây ăn quả, gia súc, gia cầm và cá nước ngọt chất lượng cao. Hướng tới phát triển bền vững bảo vệ môi trường, an sinh xã hội, giảm dần sự cách biệt giữa nông thôn và thành thị.

b) Công tác phát triển, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn:

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ của địa phương chủ yếu là gia công cơ khí nhỏ, mộc, nề, gò, hàn... sản xuất, sửa chữa gắn liền với đời sống sinh hoạt của người dân. Phát triển tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ trong xã đã và đang được duy trì và phát huy theo hướng hiện đại, đa dạng nhằm xóa đói giảm nghèo, tạo thêm việc làm và thu nhập cho người dân trong xã tạo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa, dịch vụ nâng cao chất lượng các dịch vụ phân phối, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội.

Hàng năm, UBND xã phối hợp với UB MTTQ và các ban ngành đoàn thể tổ chức từ 3 - 5 lớp dạy nghề cho nông dân, đoàn viên thanh niên trên địa bàn xã. Tạo điều kiện về vốn vay, khuyến khích các hộ dân ở gần mặt đường mở rộng kinh doanh, buôn bán các mặt hàng tạp hóa, ăn uống... đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo vệ sinh cảnh quan, môi trường.

c) Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân:

Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, nâng cao hiệu quả các Chương trình an sinh xã hội trên địa bàn xã. Đào tạo, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, tạo điều kiện cho lao động nông thôn có việc làm ổn định. Kết quả với sự nỗ lực của Nhân dân, kinh tế của xã có những chuyển biến tích cực, các chính sách người có công, xóa đói, giảm nghèo của nhà nước được triển khai kịp thời đến Nhân dân, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân ngày càng được cải thiện. Số hộ giàu gia tăng, số hộ trung bình khá đạt cao, số hộ nghèo, cận nghèo giảm dần. Tích cực phối hợp đào tạo nghề, tư vấn việc làm, xuất khẩu lao động, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn xã, các doanh nghiệp vào hoạt động đã góp phần cải thiện thu nhập của người dân trên địa bàn.

Tổ chức thực hiện tốt các chế độ chính sách của Nhà nước đối với thương binh, liệt sỹ, chăm sóc người có công, các chế độ bảo trợ xã hội, khác... Thực hiện có hiệu quả các hoạt động nhân đạo từ thiện, các chủ trương, chính sách của Nhà nước được triển khai đầy đủ, kịp thời.

4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng xã Nông thôn mới nâng cao.

Trong quá trình triển khai thực hiện từ khi xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2017 đến nay, địa phương đã tranh thủ huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt được. Ngoài nguồn vốn từ ngân sách cấp trên, trong những năm qua đã vận động tạo phong trào toàn dân chung tay xây dựng nông thôn mới, huy động đóng góp ủng hộ của các tổ chức cá nhân, các mạnh thường quân và con em công tác trên khắp mọi miền tổ quốc ủng hộ bằng tiền và hiện vật, ngày công để tập trung xây dựng nông thôn mới nâng cao trên toàn xã. Với tổng số tiền thực hiện là: 262.056.631.000 đồng, trong đó vốn từ ngân sách nhà nước là 29.061.000.000đ. Cụ thể:

Tổng huy động nguồn lực thực hiện chương trình năm 2022 trong đó phân nguồn cụ thể:

- Vốn Trung ương, tỉnh: 3.492.000.000 đồng
- Vốn Thành phố: 15.211.000.000 đồng
- Vốn xã: 10.358.000.000 đồng
- Vốn cộng đồng dân cư: 81.229.831.000 đồng
- Vốn Quỹ tín dụng nhân dân: 151.765.800.000 đồng

Tổng cộng: 262.056.631.000 đồng

Chính quyền và cả hệ thống chính trị đã làm tốt công tác tuyên truyền vận động, từ đó nhân dân đồng tình hưởng ứng. Vận động huy động ngày công lao động của nhân dân tham gia xây dựng chỉnh trang đường giao thông, trồng mới và chăm sóc đường hoa thường xuyên, vệ sinh môi trường, khơi thông cống rãnh tạo cảnh quan sạch đẹp ở khu dân cư.

Huy động xã hội hóa xây mới 01 nhà văn hóa khu 7, Xây mới 02 công trình Nhà vòm đa năng Khu 8, Khu 7 với số tiền gần 4 tỷ đồng. Bên cạnh đó huy động nhân dân đóng góp, cải tạo chỉnh trang, mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa ở tất cả 09 khu dân cư. Lắp đặt đường điện chiếu sáng, lắp đặt 65 camera an ninh ở 18 điểm (09 điểm và nhà văn hóa, 08 điểm di tích LSVH, cơ sở thờ tự), ngoài ra các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trên địa bàn xã cũng lắp đặt hệ thống camera an ninh với số lượng trên 300 camera an ninh;

Nhờ làm tốt công tác tuyên truyền vận động về mục tiêu, ý nghĩa của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao. Nhân dân đã đồng tình hưởng ứng, chung tay, đóng góp kinh phí cho sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao. Tích cực đầu tư xây dựng nhà ở, tu sửa nhà cửa, cổng, tường rào, khuôn viên, bộ mặt cảnh quan quê hương thay đổi đáng kể; Trong 2 năm đã có 138 hộ xây dựng nhà ở kiên cố trên địa bàn xã với tổng giá trị bình quân trên 800 triệu đồng/ 01 nhà. Các di tích lịch sử văn hóa, công trình tâm linh tín ngưỡng được trùng tu tôn tạo bằng nguồn xã hội hóa, góp phần ổn định đời sống tinh thần cho nhân dân. Việc xây dựng nông thôn mới đã trở thành phong trào thi đua giữa các đơn vị, các khu dân cư, đem lại quyền lợi thiết thực, tạo động lực, niềm tin, phấn khởi trong nhân dân.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN XÂY DỰNG XÃ NTM NÂNG CAO

1. Xã Trung Vương được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017 tại Quyết định số: 3665/QĐ - UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ. Đến nay trong triển khai xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, với sự đồng lòng hưởng ứng tích cực của Nhân dân chung tay đóng góp xây dựng nông thôn mới. Kết quả tự đánh giá xã Trung Vương đã cơ bản đạt được 19/19 tiêu chí.

2. Kết quả thực hiện các Tiêu chí xã Nông thôn mới nâng cao.

2.1. Tiêu chí số 1: Về quy hoạch.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Địa phương xác định việc quy hoạch chung xây dựng xã Trung Vương là nhiệm vụ quan trọng trong việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu về phát triển cơ sở hạ tầng khai thác hiệu quả tiềm năng của địa phương để phát triển kinh tế xã hội theo hướng đồng bộ, toàn diện, ổn định, lâu dài, đáp ứng yêu cầu xây dựng xã nông thôn mới nâng cao của địa phương.

Công tác lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được UBND xã sớm triển khai thực hiện và hoàn thành đã được phê duyệt quy hoạch tại Quyết định số: 11936/QĐ-UBND ngày 14/12/2011 và Quyết định số: 3958/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 về phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Trung Vương, thành phố Việt Trì, giai đoạn 2011- 2015 của UBND thành phố Việt Trì.

Các nội dung quy hoạch bao gồm nhiệm vụ và đồ án chung quy hoạch xây dựng các định hướng cơ bản về phát triển dân cư, hạ tầng kỹ thuật bản vẽ quy hoạch đã được UBND xã niêm yết công khai để người dân biết và tham gia thực hiện.

Trong quá trình thực hiện triển khai UBND xã Trung Vương luôn nghiêm túc thực hiện theo đúng quy hoạch và điều chỉnh bổ sung kịp thời để phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương.

Khi thực hiện các quy hoạch chi tiết 1/500 đều thực hiện cắm mốc và bàn giao mốc cụ thể để thực hiện các bước tiếp theo của Dự án.

1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

UBND Thành phố ban hành Quy chế quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 1790^a/QĐ-UBND ngày 10/3/2017; UBND xã Trung Vương đã triển khai, tuyên truyền vận động Nhân dân nghiêm túc thực hiện Quy chế quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 1790^a/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 UBND thành phố Việt Trì đã ban hành. UBND xã tổ chức quản lý xây dựng theo đúng quy định của Pháp luật và theo đúng quy hoạch được phê duyệt Việc thực hiện quy hoạch được thực hiện một cách nghiêm túc đồng thời có những điều chỉnh kịp thời, hợp lý phù hợp với điều kiện thực tế trong quá trình triển khai.

1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên:

Trong năm 2021 - 2022 với nhiều quy hoạch trên địa bàn xã như Khu trung tâm văn hóa thể thao xã; Quy hoạch khu đất ở dân cư tại Ao Sỏi - Đồng Khoang thuộc Khu 4, Khu 6 được quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500. Các dự án quy hoạch đều phù hợp tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được đầu tư cải tạo, nâng cấp đáp ứng các tiêu chí Nông thôn mới nâng cao, nhằm nâng cao chất lượng môi trường sống cho Nhân dân.

UBND xã đã thực hiện công bố, công khai quy hoạch thông qua các hình thức như: Niêm yết quy hoạch tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa khu dân cư và thông báo công khai quy hoạch theo đúng quy định .

- Kinh phí đã thực hiện: 300 triệu đồng.

c) Tự đánh giá tiêu chí số 1: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.2. Tiêu chí số 2: Về giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh) theo quy định, được cứng hóa và bảo trì hàng năm.

2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp được cứng hóa và bảo trì hàng năm đạt 100%. Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp $\geq 85\%$

2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa $\geq 50\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định:

UBND xã đã rà soát danh mục các công trình hạ tầng giao thông cần ưu tiên tập trung đầu tư cải tạo nâng cấp, huy động các nguồn vốn đầu tư, sự đóng góp xã hội hóa của nhân dân và hỗ trợ xi măng của Nhà nước để hoàn thành tiêu chí về giao thông. Công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện có sự linh hoạt, sát thực tế, phù hợp với điều kiện kinh phí và nhu cầu sử dụng.

Tổng tuyến đường giao thông trên địa bàn xã là: 72,65 km (trong đó đường nội thành chạy qua địa bàn xã là: 11,45 km; đường liên xã là: 2,9 km; đường liên thôn là: 43,9 km; đường nội khu là: 09 km; tuyến đường trong khu đô thị Việt- Séc là 02 km; tuyến đường trong khu đô thị mới Trung Vương là 3,4 km và còn nhiều tuyến đường trong các khu đô thị mới đang được thi công...) các tuyến đường đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của Bộ giao thông vận tải, 100% các trục đường đã được lắp đặt biển chỉ dẫn, biển cảnh báo giao thông ở những nơi nguy hiểm, được

duy tu, bảo dưỡng định kỳ đảm bảo an toàn cho nhân dân và các phương tiện tham gia giao thông và gờ giảm tốc được bố trí ở các tuyến đường nối với đường tỉnh lộ và công trường học. Trên các tuyến đường được lắp đèn chiếu sáng và trồng mới nhiều cây xanh và cây bóng mát tạo cảnh quan: Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp.

Các tuyến đường xã được bố trí cột, bóng điện 100%, đảm bảo chiếu sáng phục vụ cho nhân dân khi tham gia giao thông trên tuyến đường xã và bố trí 100% hệ thống thoát nước đảm bảo không ngập úng, tạo môi trường xanh- sạch- đẹp, đảm bảo phục vụ người dân.

2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn được cứng hóa và bảo trì hàng năm.

Để làm tốt công tác bảo vệ, bảo trì khu dân cư đã giao cho các tổ chức đoàn thể như Hội phụ nữ, Hội nông dân, đoàn thanh niên cùng các nhóm hộ gia đình đảm nhận quan tâm bảo trì, thường xuyên vệ sinh đường làng ngõ xóm sạch đẹp.

Tuyên truyền, vận động nhân dân duy trì và tiếp tục thực hiện mô hình phủ xanh tường rào, mô hình đường hoa, trồng cây xanh tại các tuyến đường trục xã, trục khu, liên khu và trục ngõ xóm. Trong những năm qua huy động từ các nguồn lực nâng cấp các tuyến đường giao thông của khu dân cư được 1,2 km.

Đến nay đường liên thôn và đường nội khu có: 52,90 km/52,90 km đạt tỉ lệ 100 % được cứng hóa và được bảo trì hàng năm, đảm bảo thuận tiện đi lại cho nhân dân, có biển báo ở các ngã ba, ngã tư trong khu dân cư. Trên các tuyến đường khu dân cư và liên khu được bố trí cột, bóng điện trên 95 % tuyến đường xã, đảm bảo chiếu sáng phục vụ cho nhân dân khi tham gia giao thông trên tuyến đường xã.

2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng-xanh-sạch-đẹp.

Tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả và huy động nguồn lực đầu tư xây dựng, các chỉ tiêu xây dựng đặc biệt là tiêu chí giao thông tập trung chỉ đạo xác định là khâu đột phá trong xây dựng nông thôn mới nâng cao. Đã huy động mọi nguồn lực từ nguồn vốn cấp trên và nhân dân đóng góp, đường ngõ xóm được bê tông hóa, đảm bảo giao thông đi lại thuận tiện. Các tuyến đường trục khu được giao cho các tổ chức đoàn thể và các hộ gia đình đảm nhận tự quản. Tuyên truyền vận động các hộ dân, các hộ sản xuất kinh doanh thường xuyên thực hiện các hoạt động thu gom rác thải, cải tạo cảnh quan trên các tuyến đường, ngõ xóm và giữ gìn vệ sinh môi trường. Đường ngõ xóm được cứng hóa: 9 km/9 km, đạt tỉ lệ 100 %.

Trên các tuyến đường ngõ xóm của xã đã được bố trí bóng đèn chiếu sáng, bố trí km cây xanh và hoa, được giao cho các khu xóm tự quản vệ sinh môi trường, bảo trì hàng năm đảm bảo các tuyến đường ngõ xóm đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa ($\geq 50\%$)

Phát triển giao thông nội đồng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, đưa ngành nông nghiệp của địa phương từng bước phát triển bền vững. Đường trục chính nội đồng cơ bản đã được cứng hóa đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất của nhân dân. Nhưng do đặc thù địa phương hiện có rất nhiều Dự án, công trình nhà nước đang được đầu tư, xây dựng nên diện tích đất sản xuất nông nghiệp bị thu hẹp, một số tuyến đường nội đồng hiện đã không còn tồn tại.

- Kinh phí đã thực hiện: 21.58 triệu đồng

c) Tự đánh giá tiêu chí số 2: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.3. Tiêu chí số 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động ($\geq 90\%$).

3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững

3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.

3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.

3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 2 tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.

Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp gồm 167 ha (Trong đó diện tích đất lúa là: 80 ha, diện tích đất trồng cây hàng năm khác 47 ha, đất trồng cây lâu năm: 40 ha), 100% diện tích đất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động theo nhu cầu sinh trưởng của cây trồng. Việc tưới tiêu phục vụ sản xuất do Hợp tác xã Nông nghiệp Lâu Thượng đảm nhận chủ động tưới 100% diện tích đến kênh mương và điều dẫn tưới, tiêu tới mặt ruộng đảm bảo 100% diện tích.

Hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn có tổng chiều dài là: 8,1km. Kênh tiêu do Hợp tác xã Nông nghiệp Lâu Thượng quản lý là: 6,7 km (trong đó kênh tưới bờ xây là: 3,2 km, kênh tiêu bờ xây là: 2,0 km, kênh tiêu bờ đất là: 1,5km). Để phục vụ tốt công tác tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp HTX đã hợp đồng cung ứng nước phục vụ sản xuất nông nghiệp cho từng hộ dân. Trên địa bàn có 03 trạm bơm hoạt động thường xuyên, 02 trạm bơm di động khi cần thiết cung cấp nước kịp thời cho sản xuất nông nghiệp. Các công trình thủy lợi trên địa bàn xã được kiểm tra, tu sửa thường xuyên, kênh mương nội đồng được nạo vét đảm bảo cho

việc cấp và tiêu nước phục vụ sản xuất. Hàng năm UBND xã, HTX nông nghiệp Lâu Thượng xây dựng kế hoạch sản xuất, kế hoạch phục vụ tưới tiêu chủ động cho 100% diện tích đất nông nghiệp trên toàn xã.

3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững:

Trên địa bàn xã có 01 HTX nông nghiệp Lâu Thượng được thành lập hoạt động theo Luật HTX chuyển đổi năm 2012. Toàn bộ các hộ sử dụng dịch vụ thủy lợi là thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở của HTX, có cơ cấu bộ máy gồm 24 người (*Trong đó cán bộ HTX 06 người, cán bộ Đội trưởng sản xuất dịch vụ 13 người*), có 01 Tổ dịch vụ thủy nông gồm 05 người thực hiện công tác thủy lợi toàn xã). Hàng năm HTX lập kế hoạch cung cấp dịch vụ cho sản xuất nông nghiệp, hoạt động có hiệu quả, kịp thời thoát nước phục vụ sản xuất, không để ngập úng, hạn hán thiếu nước trong sản xuất nông nghiệp; Có kế hoạch tu sửa kênh mương và các công trình thủy lợi, lập và quản lý tài chính dịch vụ hàng năm và báo cáo quyết toán công khai trước đại hội xã viên thường niên.

3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực được tưới tiêu tiết kiệm nước.

Cây trồng chủ lực của địa phương là cây lúa được áp dụng biện pháp canh tác SRI, 1 phải, 5 giảm, 3 giảm 3 tăng, tưới nông - lộ - phơi. Thực hiện canh tác 3 giảm, 3 tăng, giảm lượng giống do cấy thưa nhỏ khóm tiết kiệm giống, giảm phân bón do sử dụng phân bón NPK 5.10.3 và 12.5.10 nên giảm tối đa sử dụng phân đạm, giảm thuốc BVTV. Do dùng biện pháp canh tác trên và chủ động tưới tiêu, ở giai đoạn lúa kết thúc đẻ nhánh và hạn chế đẻ nhánh không cấp nước để ruộng cạn, giúp cây lúa cứng cây, ở giai đoạn đẻ nhánh xen kẽ giữ nước tháo cạn để giúp lúa đẻ nhánh hữu hiệu.

Để đẩy mạnh áp dụng biện pháp canh tác lúa cải tiến SRI vào sản xuất. Trong năm qua địa phương đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn kỹ thuật, tổ chức hội nghị thăm quan đầu bờ. Từ đó người dân nhận thức rõ lợi ích của việc áp dụng phương pháp cải tiến theo phương pháp SRI đạt hiệu quả, tăng năng suất, thu nhập cho người dân. Tổng diện tích cây trồng chủ lực được tưới tiêu tiết kiệm nước thực hiện áp dụng biện pháp canh tác tiên tiến, tiết kiệm nước, với diện tích 68ha/ 80 ha tổng diện tích đạt tỉ lệ 85%. Năng suất lúa vụ chiêm đạt: 7,3 tấn/ha đạt năng suất sản lượng cao nhất trong nhiều năm trở lại đây.

3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.

Hàng năm UBND xã đã chỉ đạo HTX NN Lâu Thượng xây dựng kế hoạch bảo trì tất cả các công trình thủy lợi để tiến hành kiểm tra, khảo sát phát hiện các công trình thủy lợi hư hỏng để kịp thời bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp, tu sửa thường xuyên theo định kỳ đạt 100% số công trình thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm. Do vậy hiện nay các công trình thủy lợi khá hoàn chỉnh, hệ thống tưới tiêu trạm bơm hoạt động tốt. Có 03 trạm bơm cố định (Trạm bơm Gò Tàng, công

Gôi, Đè Mới...), 02 trạm bơm di động để bơm cung ứng đủ nước phục vụ cho sản xuất, hệ thống kênh do HTX quản lý được tu sửa nạo vét vệ sinh thường xuyên thông thoáng đảm bảo nhu cầu tưới tiêu cho cây trồng.

3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi:

Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi. Trên địa bàn xã nguồn nước tưới cho diện tích toàn xã lấy từ Kênh tiêu số 2, nguồn nước ra, vào từ Sông Lô và Hồ công viên Văn Lang. Hàng năm phối hợp với Phòng tài nguyên môi trường thành phố Việt Trì, Địa phương thực hiện tốt việc kiểm soát nguồn nước tưới cho cây trồng đảm bảo an toàn.

3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ:

UBND xã chủ động kiện toàn BCH phòng chống thiên tai, xây dựng kế hoạch và các phương án phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ, đảm bảo tốt phòng chống thiên tai hàng năm. Phân bổ dự trữ vật tư phòng chống thiên tai, dự phòng lực lượng phương tiện để sẵn sàng ứng cứu khi tình huống xảy ra đảm bảo thực hiện 4 tại chỗ, xử lý nhanh kịp thời hiệu quả.

Cụ thể về lực lượng tại chỗ gồm: Lực Lượng xung kích; lực lượng tuần tra canh gác và lực lượng dự phòng và = 224 người; vật tư tại chỗ gồm Đất 1.500m³, cát 1.000m³, đá dăm, sỏi 15 m³, rọ thép 100 cái, tôn lợp 500 m² máy phát điện 01 cái, 350m² bạt chắn sóng, áo mưa 100 cái, dây thừng 500m, phiên liếp 100 m²;

Dong gai (bó)	Bao tải (chiếc)	Rơm khô (bó)	Cán cuốc, xẻng (dài 1,5m)	Cột tre (dài >2m)	Quang, đòn gánh
1.500	1000	500	65	500	100

Sở chỉ huy PCTT-TKCN thường xuyên của xã được đặt tại Trụ sở làm việc của UBND xã; Trạm chỉ huy tuần tra canh gác phòng chống thiên tai của xã được đặt tại 02 điểm điểm canh đê số 1, số 2, thuận tiện cho công tác chỉ huy tại chỗ khi có sự cố về thiên tai xảy ra.

Hàng năm UBND xã quyết định kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, phân công cán bộ công chức cấp xã theo dõi lĩnh vực phòng chống thiên tai và làm thường trực của ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Thành lập đội xung kích và duy trì hoạt động thường xuyên của đội xung kích phòng chống thiên tai theo quy định. Có kế hoạch phòng chống thiên tai và phương án PCTT; xác định vùng có nguy cơ cao về rủi ro theo các loại hình thiên tai, đồng thời có phương án ứng phó theo cấp độ rủi ro của thiên tai, có điểm nguy cơ cao về rủi ro thiên tai. Kết quả đạt mức tốt, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ khi có tình huống thiên tai xảy ra trên địa bàn.

- Kinh phí đã thực hiện: 5,2 triệu đồng.

c) Tự đánh giá tiêu chí số 3: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.4. Tiêu chí số 4: Điện.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định ($\geq 98\%$).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hệ thống điện của xã do Điện lực Việt Trì (thuộc Công ty điện lực Phú Thọ) quản lý, thực hiện bán lẻ điện đến từng hộ dân, có 12 Trạm biến áp, với tổng công suất 12.710 KVA. Toàn bộ hệ thống điện của xã được bàn giao cho Công ty Điện Lực Phú Thọ (trực tiếp là Điện lực Việt Trì) quản lý, kinh doanh bán lẻ trực tiếp, đến từng hộ đảm bảo an toàn sử dụng điện trên địa bàn xã, đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện. Ngành điện phối hợp với chính quyền làm tốt công tác tuyên truyền để người dân chấp hành quy định đảm bảo an toàn cho người dân, giảm tổn thất về điện năng trong quá trình truyền tải.

Toàn xã có 2.575/2.575 hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện, đạt tỷ lệ 100%.

c) Tự đánh giá tiêu chí số 4: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.5. Tiêu chí số 5: Giáo dục.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (Mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 (100%).

5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS (mức độ 3)

5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ (mức độ 2)

5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại khá.

5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Công tác giáo dục được Đảng bộ, chính quyền địa phương, các nhà trường và nhân dân quan tâm đầu tư cơ sở vật chất để trẻ em được học tập, trải nghiệm trong môi trường giáo dục đầy đủ và phù hợp; có nhiều giải pháp tích cực, nâng cao chất lượng giáo dục, tăng cường cơ sở vật chất trường học, đẩy mạnh công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia. Do đó kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

hàng năm đạt kết quả tốt; cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn Quốc gia theo quy định, chất lượng giáo dục ngày càng được nâng lên.

5.1. Hiện nay trên địa bàn xã có 04 điểm trường/03 cấp học (02 điểm trường Mầm non, 01 trường Tiểu học và 01 trường Trung học cơ sở) đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 (đạt 100%), có 01 trường có cơ sở vật chất đạt chuẩn mức độ 2 (Trường Tiểu học đã và đang hoàn thiện để đạt chuẩn mức độ 2 trong quý II năm 2023).

5.2. Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi và tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi hàng năm.

5.3. Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3, đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3, tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục hàng năm.

5.4. Xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

5.5. Công tác xã hội hóa giáo dục, khuyến học, khuyến tài, xây dựng gia đình hiếu học, dòng họ hiếu học, cộng đồng học tập ngày càng phát triển. Trung tâm học tập cộng đồng xã hoạt động tích cực, phát huy được chức năng và vai trò trong việc phối hợp dạy nghề, tập huấn về sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nâng cao trình độ dân trí, tay nghề cho lao động nông thôn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Kết quả xây dựng “Gia đình học tập” năm 2022 có 2.505/ 2.575 hộ gia đình đạt tỉ lệ 97,28% ; “Cộng đồng học tập”: 09/09 khu đạt tỷ lệ 100 %. Hàng năm cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá xếp loại xuất sắc.

5.6. Mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền: Các nhà trường đều có các thiết bị, cơ sở vật chất tối thiểu phục vụ học sinh tham gia rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền trong hoạt động giáo dục thể chất phù hợp với đối tượng học sinh của cấp học và phục vụ các hoạt động thể thao theo hình thức câu lạc bộ phù hợp với điều kiện của đơn vị. Đối với trường Trung học cơ sở và trường tiểu học có nhà đa năng đảm bảo các hoạt động ngoại khóa, 04 điểm trường có trường phòng giáo dục truyền thống để phục vụ nhu cầu dạy và học. Tại 9 điểm sinh hoạt cộng đồng ở khu dân cư và 01 điểm sinh hoạt cộng đồng của xã được đầu tư dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời tạo môi trường cho trẻ em và nhân dân luyện tập thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe, thể lực, kỹ năng và sức bền.

- Kinh phí đã thực hiện: 13.538 triệu đồng

c) Tự đánh giá tiêu chí số 5: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.6. Tiêu chí số 6: Văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí:

6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng, các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.

6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

6.3. Tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng, các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.

UBND xã có diện tích đất quy hoạch là 2.928,05 m². Trong đó hội trường lớn xã Trung Vương có diện tích là 410 m², có đầy đủ nội thất, bàn ghế và các thiết chế văn hóa với hơn 300 chỗ ngồi. Ngoài hội trường lớn, trụ sở làm việc xã Trung Vương có thêm 01 phòng họp với diện tích trên 60 m²; 21 phòng làm việc và 04 phòng chức năng khác gồm phòng kho, thư viện, truyền thanh, tiếp dân với diện tích trung bình mỗi phòng khoảng 20 m². Thư viện có tủ sách phục vụ nhu cầu đọc sách, báo của cán bộ và nhân dân, có hệ thống truyền thanh không dây phủ sóng toàn xã, có đầy đủ các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, nhà để xe, vườn hoa...

Về khu thể thao của xã: Xã đã có quy hoạch chi tiết 01 sân thể thao trung tâm với diện tích khoảng 8000 m². Hiện trong khuôn viên UBND xã có: 02 sân bóng chuyền hơi; 02 sân cầu lông, 01 giàn đèn chiếu sáng phục vụ thi đấu được vào buổi tối.

Về trang thiết bị: Hội trường có đủ bàn, ghế, trang bị âm thanh, ánh sáng, thông gió, đài truyền thanh.

Về cán bộ quản lý: Xã được bố trí 01 công chức văn hóa có trình độ Đại học; 01 cán bộ Đài truyền thanh xã có trình độ đại học.

Về kinh phí hoạt động: UBND xã luôn đảm bảo kinh phí chi hoạt động thường xuyên trên địa bàn xã và xã hội hóa một phần kinh phí tổ chức các hoạt động văn hóa như việc tổ chức các giải bóng đá, bóng chuyền hơi nam, nữ, văn nghệ, thể thao v.v..

Hoạt động văn hóa, văn nghệ: Tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị đạt tối thiểu 6 cuộc/năm; Hàng năm đều tổ chức các buổi giao lưu văn nghệ tại Hội trường UBND xã hoặc tại sân khấu ngoài trời vào các dịp ngày lễ, tết, ngày kỷ niệm; Các hoạt động nói trên đã thu hút hàng ngàn quần chúng Nhân dân trong xã và con em các nơi về tham dự Xã thành lập được các Câu lạc bộ gồm: (Câu lạc bộ Gia đình hạnh phúc, câu lạc bộ hát Xoan,; Câu lạc bộ Văn hóa, văn nghệ, thể thao người cao tuổi; Câu lạc bộ Văn hoá - thể thao khu dân cư. Câu lạc bộ Bơi Chải truyền thống, CLB bóng chuyền hơi, CLB Cầu lông, CLB Bóng bàn...) Các câu lạc bộ được duy trì hoạt động thường xuyên và hiệu quả; Các hoạt động như xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa, nếp sống Văn hóa, bảo tồn phát huy giá trị lịch sử của các di tích LSVH trên địa bàn xã được xã duy trì hoạt động tốt, hiệu

quả cao. Nhìn chung các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, các phong trào, các câu lạc bộ xã tổ chức đều thu hút đông đảo quần chúng Nhân dân tham gia.

Các hoạt động thể dục, thể thao, văn nghệ do thành phố tổ chức, xã đều tham dự đầy đủ và đạt giải cao. Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí cho trẻ em như múa hát văn nghệ tập thể, chơi trò chơi vào các dịp ngày Quốc tế thiếu nhi và Tết Trung thu hàng năm thu hút 98% trẻ em tham gia.

Về diện tích đất quy hoạch: Toàn xã có 09 khu hành chính các khu đều có quỹ đất vừa xây dựng nhà văn hóa, vừa bố trí sân thể thao, điểm vui chơi, giải trí phục vụ cho trẻ em và người cao tuổi đảm bảo theo quy định, các công trình phụ trợ dùng sinh hoạt văn hoá cộng đồng. Các hoạt động văn hóa, luôn được duy trì hàng năm.

Có công viên Văn Lang nằm tiếp giáp với địa bàn xã, khoảng cách tới điểm vui chơi, giải trí đều có cự ly gần. Hàng năm Chính quyền phối hợp với các ban ngành đoàn thể, các cơ quan liên quan, các nhà trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc tuyên truyền, giáo dục kỹ năng phòng chống tai nạn, thương tích, đuối nước, xây dựng trường học an toàn, thân thiện thông qua các buổi sinh hoạt chào cờ đầu tuần, sinh hoạt lớp, sinh hoạt Đội, phát thanh trên hệ thống loa truyền thanh của xã... nhằm nâng cao nhận thức trong cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, trẻ em và Nhân dân. Việc trang bị kỹ năng bơi lội, cứu đuối cũng được rất nhiều phụ huynh quan tâm và chủ động đăng ký cho con học bơi trong dịp các con được nghỉ hè. Thông qua các nội dung tuyên truyền, giáo dục và tham gia vào các hoạt động thực hành cụ thể trong những năm qua địa phương không có tai nạn thương tích và đuối nước xảy ra.

Bố trí điểm Thư viện điện tử công cộng trong khuôn khổ Dự án “*Nâng cao khả năng sử dụng máy tính và truy nhập internet công cộng tại Việt Nam*” do Quỹ Bill & Melinda Gates tài trợ với diện tích phòng hơn 30m², gắn với phòng Thư viện sách để thuận tiện đáp ứng nhu cầu phục vụ đọc sách và tra cứu thông tin trên internet cho người dân, với hơn 1.700 bản sách để đáp ứng nhu cầu phục vụ người sử dụng thư viện và đảm bảo phục vụ tài nguyên thông tin cho nhân dân đạt trên 1000 lượt/năm. Địa phương đã bố trí 01 nhân sự đã được hướng dẫn nghiệp vụ về thư viện để quản lý, điều hành hoạt động điểm Thư viện công cộng xã.

Chỉ đạo các nhà trường làm tốt công tác quản lý thư viện, cập nhập các sách, báo phù hợp với lứa tuổi để học sinh tham khảo, tra cứu kiến thức. Các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí cho trẻ em được coi trọng, đặc biệt là các hoạt động sinh hoạt hè cho thiếu nhi, hội thi thiếu nhi kể chuyện, hội thi nghi thức đội, thi đấu trò chơi dân gian....đã thu hút được đông đảo trẻ em trên địa bàn tham gia.

6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

Trong thời gian qua, công tác bảo vệ, tôn tạo, tu bổ, phát huy và khai thác giá

trị di sản văn hóa, đặc biệt là các di tích đã được xếp hạng được cấp ủy, chính quyền xã quan tâm chỉ đạo thực hiện; nhiều di tích được đầu tư xây mới, tu bổ khang trang, sạch, đẹp tạo môi trường, cảnh quan tốt cho việc tham quan, hoạt động tâm linh, tín ngưỡng...cho du khách và nhân dân trên địa bàn, tạo điều kiện tốt để gìn giữ, phát huy, quảng bá các hình ảnh tốt đẹp của quê hương. Trên địa bàn xã có tổng số 08 điểm di tích/06 Di tích LSVH trong đó: *(Di tích được xếp hạng gồm 5 di tích trong đó 01 di tích cấp Quốc gia là Đình Ngoại Lâu Thượng, di tích cấp tỉnh gồm Cụm di tích LSVH Đình, Đền, Lăng thôn Hương Lan, Đình Nội Lâu Thượng, Đình Kim Quát Hạ, Chùa Bối Linh; Di tích chưa xếp hạng chùa A Lốc).*

Giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban quản lý các di tích lịch sử trên địa bàn tổ chức đảm bảo các hoạt động vui chơi, giải trí lễ hội đầu Xuân, tiệc lễ ngày 10 tháng Giêng tại các di tích đình Nội, đình Ngoại Lâu Thượng, tổ chức lễ giỗ Sư phụ, sư mẫu tại Đền Thiên cổ vào tháng 2 âm lịch hàng năm.

Xã đã thành lập và thường xuyên kiện toàn Ban quản lý các di tích lịch sử trên địa bàn xã do đồng chí phó Chủ tịch UBND xã làm trưởng ban. Mỗi di tích trong xã thành lập một Tiểu ban quản lý.

Giao Ban quản lý di tích LSVH xã giao cho các Tiểu ban quản lý lập hồ sơ quản lý thu, chi các nguồn tiền công đức, hàng năm đều tổ chức họp Tiểu ban để công khai các khoản thu, chi trong năm.

Công tác kiểm kê, đánh giá hoạt động di tích được thực hiện thường xuyên đúng quy định của Luật di sản văn hóa. Công tác phục hồi và phát huy giá trị luôn nhận được sự quan tâm cấp ủy, chính quyền các cấp và đông đảo nhân dân trên địa bàn. Từ năm 2021 đến nay xã đã lập hồ sơ đề nghị các cấp cho tu bổ, tôn tạo 04 hạng mục tại các điểm di tích (*Đền Thiên Cổ, Lăng Ba Đô sĩ, Đình Ngoại Lâu Thượng, Đình Kim Quát Hạ, Chùa Bối Linh*) hiện nay đã được phê duyệt chủ trương, hiện đã và đang thực hiện tu bổ, tôn tạo 03 di tích là Đình ngoại Lâu Thượng, Lăng Ba đô sĩ, trong thời gian tới tiếp tục thực hiện các di tích còn lại theo lộ trình. Hiện nay trên địa bàn xã không có di tích lịch sử văn hóa bị xuống cấp trầm trọng.

Để tăng cường công tác bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa của địa phương UBND xã đã chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh của xã, tuyên truyền trực quan, trên các trang mạng, facebook, zalo...qua các hội nghị, sinh hoạt chi bộ, chi hội và các cuộc họp của nhân dân, đồng thời các tổ chức đoàn thể của xã và các trường học trên địa bàn xã đã tổ chức các chương trình hoạt động ngoại khóa cho học sinh, đoàn viên, hội viên tham quan, tìm hiểu về cội nguồn và lịch sử ra đời, giá trị của các di tích lịch sử văn hóa.

6.3. Tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới.

Về diện tích đất quy hoạch: Xã sau khi sáp nhập KDC năm 2019 hiện nay có 9 khu dân cư với 14 nhà văn hóa khu, có diện tích sàn trung bình mỗi nhà văn hóa hơn 300m², khu vui chơi thể thao từ 1.500m² trở lên;

Về quy mô xây dựng: Hội trường nhà văn hóa các khu dân cư có từ 100 đến 150 chỗ ngồi, có sân khấu trong hội trường từ 25 đến 45 m², có sân chơi bóng chuyền, sân chơi cầu lông từ 500m² trở lên, có công trình phụ trợ như Nhà vòm đa năng, khu vệ sinh, vườn hoa, công, tường rào bảo vệ;

Về trang thiết bị: Nhà văn hóa khu dân cư, đều có đầy đủ bộ wifi miễn phí, bộ tăng âm (gồm âm li, micro, loa); bộ trang trí, khánh tiết như cờ Tổ quốc, cờ Đảng, tượng Bác Hồ; phong màn sân khấu, băng, khẩu hiệu, cờ trang trí...bàn, ghế phục vụ sinh hoạt; Có tranh ảnh tuyên truyền xây dựng nông thôn mới, Có bảng tin; Có trống, kèn... phục vụ các nhiệm vụ của khu dân cư.

Các khu đều có một số dụng cụ thể thao chính như cọc, lưới, bóng chuyền da, bóng chuyền hơi, cầu lông, bóng đá.....

Về kinh phí hoạt động thường xuyên: được huy động từ nguồn Nhân dân đóng góp xã hội hóa và của các tổ chức, cá nhân ủng hộ hoạt động, trung bình hàng năm huy động nguồn lực hoạt động tại các khu dân cư từ 10 đến 20 triệu đồng/khu/năm.

Về cán bộ văn hóa khu là các ông (bà) Trưởng khu dân cư, là trưởng ban quản lý, sử dụng nhà văn hóa khu dân cư. Các cán bộ được giao nhiệm vụ đều có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình nên các phong trào văn hóa, văn nghệ thể dục, thể thao ở các khu ngày một phát triển, thu hút đông đảo quần chúng Nhân dân tham gia nhất là văn nghệ quần chúng, bóng đá và bóng chuyền hơi. Các tầng lớp Nhân dân các khu dân cư đều được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao tại cộng đồng.

Hàng năm, UBND xã chỉ đạo BCĐ phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện đảm bảo theo quy định, đúng hướng dẫn Nghị định 122/2018 của Chính phủ. Đồng thời, thực hiện tuyên truyền tới các tầng lớp nhân dân thực hiện thường xuyên, trong đó chú trọng nâng cao chất lượng phong trào gắn với phong trào thi đua yêu nước và phong trào xây dựng nông thôn mới nâng cao. Kết quả năm 2021 - 2022, 9/9 khu dân cư đạt danh hiệu khu dân cư văn hóa đạt tỉ lệ 100%; Tỉ lệ hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa hàng năm trên 95%. Trong đó, 15% số hộ gia đình tiêu biểu xuất sắc đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá được Chủ tịch UBND xã tặng Giấy khen, các khu dân cư đều có Quy ước nếp sống văn hóa do UBND thành phố Việt Trì phê duyệt. Hiện tại xã đã hoàn thiện việc sửa đổi bổ sung Quy ước theo hướng dẫn số 04/HD-SVHTTDL ngày 20/10/2022 của Sở văn hóa thể thao và du lịch về xây dựng, thực hiện quy ước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ tới 9/9 khu dân cư, trong tháng 3/2023 đã trình UBND thành phố ra quyết định công nhận Quy ước cho các khu dân cư theo

hướng dẫn mới, đồng thời các khu dân cư đều ký cam kết về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới việc tang, mừng thọ và lễ hội.

Từ năm 2021 đến nay, với sự chỉ đạo quyết tâm của lãnh đạo địa phương, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự đồng lòng của nhân dân. Thực hiện chủ trương của Đảng bộ và chính quyền địa phương về duy trì, phát triển đời sống văn hóa và tinh thần cho nhân dân đến nay địa phương đã đầu tư kinh phí cho sự nghiệp văn hóa thể thao là 16.928 triệu đồng trong đó: (*đầu tư trang thiết bị, nâng cấp, sửa chữa xây mới nhà văn hóa là 3.883 triệu đồng, đầu tư tôn tạo, tu bổ di tích là 19.807 triệu đồng, đầu tư xây mới Sân thể thao là 4.227 triệu đồng đầu tư cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao là 152 triệu đồng*). Nguồn ngân sách xã đầu tư là 6.696 triệu đồng và nguồn xã hội hóa và nguồn xã hội hóa là 1.970 triệu đồng

- Tổng kinh phí đã thực hiện: 16.928 triệu đồng

c) Tự đánh giá tiêu chí số 6: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.7. Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Xã Trung Vương do đặc thù địa bàn xã xung quanh tiếp giáp với các xã, phường có các chợ truyền thống, lâu năm như Chợ Máy điện, Chợ Gát ở phường Thanh Miếu, Chợ Dầu ở phường Dữu Lâu, chợ Mộ xi ở phường Tân Dân, chợ A7 ở phường Thọ Sơn, Trung tâm thương mại Big C ở xã Sông Lô và còn nhiều trung tâm thương mại dịch vụ nhỏ lẻ khác; Đồng thời trên địa bàn xã trải đều ở các khu vực dân cư là các cơ sở kinh doanh, hàng hóa, siêu thị mini đều bảo đảm an toàn thực phẩm đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn kinh doanh thực phẩm; cũng như xu hướng chung, thói quen mua hàng trực tuyến của người dân qua các kênh thương mại điện tử ngày càng phát triển, mặt khác trên địa bàn xã có rất nhiều dự án khu đô thị, nhà ở dân cư nên có dành quỹ đất cho cơ sở hạ tầng thương mại khi xây dựng nên việc xây dựng Mô hình Chợ thí điểm trên địa bàn xã là không khả thi đề nghị xem xét ở tiêu chí này.

c) Tự đánh giá tiêu chí số 7: Đạt so với yêu cầu tiêu chí. (Đề nghị xem xét).

2.8 Tiêu chí số 8: Thông tin và truyền thông.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân

8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh (80%)

8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông

8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới

8.5. Có mạng Wifi miễn phí ở các điểm công cộng: UBND xã, nhà văn hóa, các khu dân cư trên địa bàn xã, điểm du lịch cộng đồng (nếu có)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân

Xã Trung Vương có 01 điểm phục vụ bưu chính tại khu vực Trụ sở xã với diện tích khuôn viên gần 300 m², đảm bảo cung cấp các dịch vụ bưu chính như dịch vụ chuyển thư, báo, chuyển phát nhanh...

Điểm phục vụ bưu chính xã có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương: có 01 máy tính, 01 máy in, hệ thống mạng wifi, điện thoại, bàn, ghế phục vụ người dân. Bên ngoài, treo biển tên điểm phục vụ, niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ đảm bảo theo quy định. Thực hiện quy định giờ làm việc theo mùa và thực hiện đúng 8 giờ/ngày. Điểm phục vụ bưu chính thực hiện tốt việc cung cấp các dịch vụ như: Dịch vụ thư có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02 kg; Dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 50 kg. Đồng thời, điểm phục vụ bưu chính tại xã có khả năng phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân.

8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh.

Các dịch vụ viễn thông, Internet đã được ứng dụng rộng rãi, đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác điều hành lãnh đạo thực hiện công việc, tạo ra một bước thay đổi mới trong quy trình xử lý thông tin, giải quyết công việc chuyên môn góp phần giảm được thời gian, công sức, tiết kiệm được nhân lực và giải quyết nhanh, kịp thời công việc hàng ngày góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Theo thống kê, đến tháng 4 năm 2023, xã có dân số theo độ tuổi lao động là người 7.361/8.603 người sử dụng điện thoại, trong đó người có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh là 7.162/8603 người chiếm tỷ lệ 83,25 %.

8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông.

Đài truyền của xã đã được trang bị hệ thống truyền thanh thông minh (ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông). Số khu có cụm loa truyền thanh được lắp đặt là 09/09 khu dân cư, với tổng số là 28 cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông. Hệ thống đài đáp ứng các tiêu chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định. Hệ thống truyền thanh thông minh hoạt động hiệu quả, đảm bảo cho công tác tiếp âm, tiếp sóng và thực hiện các nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Thực hiện tốt việc tiếp sóng, phát lại các chương trình phát thanh của Đài Tiếng

nói Việt Nam, Đài phát thanh - truyền hình tỉnh, Đài Phát thanh - Truyền hình thành phố Việt Trì với tần suất 2 giờ/ngày. Đồng thời xây dựng chương trình phát thanh của địa phương với số lượng bình quân 04 bài/tuần. Nội dung tuyên truyền trọng tâm tập trung vào việc thông tin, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đến khu dân cư và từng nhân dân. Hiện nay, tỷ lệ phủ sóng về diện tích và dân số đạt 100%. Nội dung tuyên truyền trọng tâm qua hệ thống loa truyền thanh như: tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương, công tác xây dựng NTM; nêu gương người tốt việc tốt, tuyên truyền các sự kiện của đất nước, các chương trình phát triển kinh tế, VH - XH của địa phương.

- Đối với việc xem được truyền hình.

Hiện có 05 đơn vị đang cung cấp các dịch vụ truyền hình giải trí cho người dân trong xã. Có 3 nhà mạng lắp đặt cột thu phát sóng tại 07 điểm thu sóng trên toàn xã. Xã Trung Vương có 100% hộ gia đình thu, xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet.

- Đối với điểm cung cấp xuất bản phẩm.

Hiện nay, trên địa bàn xã có 17 điểm cung cấp xuất bản phẩm là Thư viện 02 nhà trường, Bưu điện văn hóa xã, Thư viện xã và tủ sách tại 14 nhà văn hóa của 09 khu dân cư.

8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng Nông thôn mới của xã luôn nhận được sự quan tâm của Đảng ủy, Chính quyền. Trong đó, xã đã quan tâm đầu tư bố trí đa dạng nguồn kinh phí để xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin trên địa bàn; hệ thống một cửa hiện đại của xã đảm bảo theo quy định; hệ thống thông tin đồng bộ, ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong công tác tuyên truyền, quảng bá, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận, tiếp nhận thông tin nhanh chóng, chính xác và tìm kiếm cơ hội hợp tác về kinh tế - xã hội.

Hiện nay UBND xã đang sử dụng: 06 hệ thống phần mềm điện tử: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, thực hiện gửi nhận văn bản điện tử tích hợp chữ ký số liên thông giữa các cơ quan hành chính nhà nước đảm bảo an toàn thông tin trong gửi, nhận văn bản điện tử. 100% văn bản đi, đến được tiếp nhận và phát hành trên phần mềm Hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT-ioffice; Hệ thống thư điện tử công vụ Mail.phutho.gov.vn; Hệ thống dịch vụ công trực tuyến dichvucong.phutho.gov.vn; Hệ thống dịch vụ công quốc gia dichvucong.gov.vn; Hệ

thông phần mềm quản lý Hộ tịch hotichdientu.moj.gov.vn; Hệ thống Thống kê Hộ tịch thongkehotich.gov.vn ...

Hội nghị trực tuyến được triển khai và đưa vào sử dụng đảm bảo các cuộc họp, hội nghị trực tuyến. Tăng cường chỉ đạo thực hiện thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt và đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4 theo yêu cầu của Chính phủ và thực tế tại địa phương. Năm 2022 và Quý I/2023, tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã, hồ sơ trực tuyến đến tháng 3/2023 đạt tỷ lệ 78%.

UBND xã đã duy trì triển khai hệ thống quản lý văn bản và điều hành, thực hiện gửi nhận văn bản điện tử tích hợp chữ ký số liên thông giữa các cơ quan hành chính nhà nước đảm bảo an toàn thông tin trong gửi, nhận văn bản điện tử. 100% văn bản đi, đến được tiếp nhận và phát hành trên phần mềm quản lý văn bản điều hành I office.

Tham gia đầy đủ các lớp, chương trình tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho cán bộ, lãnh đạo xã, các tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn xã. Chỉ đạo các tổ chức đơn vị trực thuộc, các trường học trên địa bàn và cán bộ xã, các tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn huyện tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cho người dân. Đồng thời, với xu thế làm việc trực tuyến, học trực tuyến ngày càng nhiều và trở thành tất yếu. Hầu hết các gia đình có con đang theo học các cấp thì cha hoặc mẹ đều có khả năng sử dụng các kỹ năng cơ bản về máy tính để có thể điều hành máy tính cho con theo học các lớp online và làm việc tại nhà. Vì vậy số làm việc trong các lĩnh vực văn phòng, hành chính và một số lĩnh vực khác có 4548/8603 người biết sử dụng các kỹ năng cơ bản về máy tính đạt tỉ lệ 52,86 % trên địa bàn.

Tỷ lệ hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ: Hiện tại mới thực hiện gắn địa chỉ số tại các di tích LSVH trên địa bàn xã và sẽ tiếp tục thực hiện khi có hướng dẫn của cơ quan Thông tin và Truyền thông.

8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)

Xã có 26 điểm cung cấp dịch vụ Wifi miễn phí cụ thể: 7 điểm ở UBND xã, Quỹ tín dụng nhân dân xã, HTX nông nghiệp, 02 di tích LSVH, 04 điểm trường trên địa bàn, 13/14 nhà văn hóa khu dân cư có mạng wifi miễn phí đảm bảo các điều kiện an toàn an ninh thông tin để phục vụ người dân.

Hiện nay UBND xã chưa có tài nguyên du lịch để xây dựng điểm du lịch cộng đồng, do đó trên địa bàn xã chưa triển khai điểm du lịch cộng đồng.

c) Tự đánh giá tiêu chí số 8: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.9. Tiêu chí số 9: Nhà ở dân cư.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố ($\geq 90\%$).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Nhà ở nông thôn trên địa bàn xã Trung Vương đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng. Nhà ở nông thôn đảm bảo “3 cứng” (*nền cứng, khung cứng, mái cứng*). Các bộ phận nền, khung, mái của căn nhà được làm từ các loại vật liệu có chất lượng tốt. Diện tích căn nhà và diện tích ở tối thiểu đảm bảo theo quy định, các công trình phụ trợ (bếp, nhà vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi ...) được bố trí đảm bảo vệ sinh, thuận tiện cho sinh hoạt, kiến trúc mẫu nhà ở phù hợp với phong tục, tập quán của địa phương. Đến nay địa bàn xã có 2.148/2.197 nhà đạt tiêu chuẩn theo quy định, đạt tỷ lệ 97,76%.

c) Tự đánh giá tiêu chí số 9: Đạt

2.10. Tiêu chí số 10: Thu nhập.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Thu nhập bình quân đầu người năm 2022 ≥ 47 triệu đồng

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Đảng bộ, chính quyền luôn xác định nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt là tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người dân, khai thác tiềm năng về đất đai, giao thông thủy lợi để thúc đẩy sản xuất và dịch vụ. Tạo điều kiện về thủ tục để người dân tiếp cận nguồn vốn, khoa học kỹ thuật, công nghệ áp dụng đầu tư vào sản xuất.

Tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa gắn với tiêu thụ sản phẩm. Xây dựng các mô hình trồng cây, con giống có năng suất, chất lượng cao; tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa trong sản xuất; đa dạng hóa các ngành nghề nông thôn; khuyến khích các lao động nông nghiệp chuyển dịch sang làm việc trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Tích cực phối hợp đào tạo nghề, tư vấn việc làm, xuất khẩu lao động, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp về thủ tục, mặt bằng để doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn xã., các doanh nghiệp vào hoạt động đã góp phần cải thiện thu nhập của người dân trên địa bàn. Đây là những điểm sáng trong tổ chức sản xuất và ứng dụng công nghệ vào phát triển nông nghiệp nông thôn tại địa phương. Thu nhập bình quân đầu người năm 2022 đạt 51,05 triệu đồng/người/năm.

c) Tự đánh giá tiêu chí số 10: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.11. Tiêu chí số 11: Nghèo đa chiều (có 01 chỉ tiêu):

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 là $\leq 8\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hàng năm công tác giảm nghèo luôn được lãnh đạo Đảng ủy, UBND xã quan tâm, chỉ đạo thông qua việc xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo, xây

dựng chỉ tiêu, mục tiêu phân đầu theo từng giai đoạn và từng năm. Trong quá trình chỉ đạo thực hiện phối hợp với MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và doanh nghiệp để hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để các hộ nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững. Từ sự quan tâm chỉ đạo và tạo điều kiện, các hộ nghèo được tiếp cận với nhiều nguồn vốn vay để đầu tư vào phát triển kinh tế gia đình. Chỉ tính riêng nguồn vốn vay từ ngân hàng chính sách xã hội, hiện nay hộ nghèo, cận cận nghèo, hộ mới thoát nghèo đang được vay vốn, với tổng số tiền là 1,2 tỷ đồng; 100% người thuộc hộ nghèo được hỗ trợ các chính sách như :hỗ trợ y tế; hỗ trợ tiền điện ,trẻ em từ mẫu giáo đến lớp 12 được miễn giảm học phí,

Theo kết quả điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2020 - 2022 đã được UBND thành phố công nhận, cụ thể như sau:

Tổng số hộ dân cư trên địa bàn xã Trung Vương năm 2020 là 2545 hộ. Trong đó:

+ Số hộ nghèo đa chiều là 15 hộ, chiếm tỷ lệ : 0.59%, trong đó có 07 hộ nghèo không có khả năng lao động.

+ Số cận hộ cận nghèo đa chiều là 08 hộ, chiếm tỷ lệ: 0,31% trong đó có 03 hộ cận nghèo không có khả năng lao động

+ Năm 2021: Tổng số hộ dân cư trên địa bàn xã là 2537 hộ

Số hộ nghèo đa chiều của xã là: 18 hộ, chiếm tỷ lệ 0,70%, trong đó hộ nghèo không có khả năng lao động: 08 hộ

Số hộ cận nghèo đa chiều của xã là 8 hộ chiếm tỷ lệ 0,31%, hộ cận nghèo không có khả năng lao động 03 người

Năm 2022 Tổng số hộ dân cư trên địa bàn xã là 2559 hộ

- Số hộ nghèo đa chiều của xã là 16 hộ, chiếm tỷ lệ : 0,63% , trong đó hộ nghèo không có khả năng lao động 07 hộ

- Số hộ cận nghèo đa chiều của xã là 4_hộ, chiếm tỷ lệ 20% , hộ cận nghèo không có khả năng lao động là 2 hộ.

- Kinh phí đã thực hiện là : 185,7 triệu đồng.

c) Tự đánh giá tiêu chí số 11: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.12.Tiêu chí số 12: Lao động.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): $\geq 75\%$

12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): $\geq 25\%$

12.3 . Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực: $\geq 30\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trong những năm qua, công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm luôn được các cấp ủy Đảng, chính quyền từ thành phố đến cơ sở quan tâm chỉ đạo. Hiện nay, trên địa bàn xã có 4548/8603 người trong lực lượng lao động, chiếm 52,86%.

Công tác giáo dục đào tạo, khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập luôn quan tâm chỉ đạo; đặc biệt là các hộ gia đình luôn quan tâm đầu tư cho con, em tích cực tham gia học tập các chương trình từ giáo dục phổ thông, đại học và đào tạo nghề, truyền nghề,... Hàng năm học sinh đỗ Đại học chính quy từ 70 - 90 em. Công tác đào tạo dạy nghề được phối hợp chặt chẽ với tổ chức chính trị xã hội cho nông thôn. Tính đến nay, toàn xã có 3427/4548 người đã qua đào tạo và truyền nghề chiếm tỷ lệ 75,35 %.

Công tác đào tạo, đào tạo nghề cho Lao động và Lao động nông thôn có bằng cấp, chứng chỉ được Đảng bộ chính quyền và Nhân dân rất quan tâm. Mỗi năm, UBND xã phối hợp với các tổ chức chính trị như hội nông dân, đoàn thanh niên, hội LH Phụ nữ ... mở các lớp dạy nghề cho Hội viên và đoàn viên như Trồng lúa chất lượng cao, trồng rau an toàn, may công nghiệp,... Hợp tác xã nông nghiệp, khuyến nông xã liên tục mở các lớp ngắn hạn để đào tạo cho lao động trong độ tuổi các kiến thức, kỹ năng làm nông nghiệp. Số học sinh học THPT xong đi học nghề và tham gia các khóa học chuyên môn ngày càng tăng. Tỷ lệ Lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ tăng hàng năm. Tính đến thời điểm hiện tại lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ, các lớp ngắn hạn tại địa phương là 1783/4548 người, đạt tỷ lệ 39,20%.

Xã Trung Vương xác định ngành kinh tế chủ lực của địa phương là trồng lúa chất lượng cao, tiểu thủ công nghiệp, ngành may công nghiệp, ngành cơ khí. Trên địa bàn có 2337/4548 người tham gia vào ngành kinh tế chủ lực của địa phương, chiếm tỷ lệ 51,38% lao động tham gia lao động và hoạt động thường xuyên vào ngành kinh tế chủ lực. Các ngành kinh tế chủ lực đã thu hút đông đảo tham gia, tạo thu nhập ổn định, thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển, nâng cao đời sống người dân.

- Kinh phí đã thực hiện: 27.288 triệu đồng.

c) Tự đánh giá tiêu chí số 12: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.13. Tiêu chí số 13: Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông nghiệp

a) Yêu cầu của tiêu chí:

13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định ≥ 1

13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn

13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm ≥ 1

13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã.

13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử $\geq 10\%$.

13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng

13.7. Có triển khai khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng internet, mạng xã hội.

13.8 Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.

Hiện nay có 01 HTX nông nghiệp Lâu Thượng đã thành lập và chuyển đổi theo Luật HTX 2012. HTX thực hiện các dịch vụ phục vụ cho 1133 thành viên (*dịch vụ thủy lợi, dịch vụ vật tư phân bón, bảo vệ thực vật, bảo vệ sản xuất*). HTX hoạt động hiệu quả cung cấp các dịch vụ cho thành viên với giá thành rẻ không vì lợi nhuận. HTX đã nhiều năm thực hiện liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm giống lúa Thái Xuyên 111 với công ty cổ phần Giống lúa Thái Bình. Năm 2022 đã ký hợp đồng liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm OCOP với một số Siêu thị tiện lợi, các cơ sở kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thành phố cũng như trong và ngoài tỉnh tiêu thụ sản phẩm Mật ong Hoa Nhãn...

13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn:

UBND xã đã rà soát và tuyên truyền tới các hộ dân đang sản xuất và kinh doanh các sản phẩm truyền thống, có lợi thế ở khu vực nông thôn. Kết quả, với sự nỗ lực và tâm huyết của các hộ dân, doanh nghiệp tư nhân, hiện tại xã Trung Vương có 01 sản phẩm OCOP đó là Mật ong Hoa nhãn Trung Vương của Hội nuôi ong xã Trung Vương có địa chỉ tại Khu 12, xã Trung Vương, thành phố Việt Trì, sản phẩm được xếp hạng đạt 3 sao năm 2022. Sản phẩm đảm bảo hiện đang đã có thương hiệu (được cấp giấy chứng đăng ký nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý từ năm 2022, có bao bì, nhãn mác theo quy định). Có kênh phân phối ổn định tại gian hàng sản phẩm OCOP do Sở Công Thương đặt tại Sở Công Thương và gian hàng tại các siêu thị tiện lợi, đại lý hàng tạp hóa trên địa bàn....

13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm:

Trên địa bàn xã có mô hình sản xuất chăn nuôi gà của gia đình ông: Triệu Anh Tuấn ở khu 1 với diện tích: 03 ha, cho thu nhập bình quân đối với người lao động: 7,5 triệu đồng/người/ tháng. Với nhu cầu của khách hàng là đáp ứng sản phẩm

sản xuất thực phẩm theo hướng hữu cơ, sản xuất thực phẩm sạch là xu hướng tất yếu theo yêu cầu của xã hội, của người tiêu dùng. Mô hình nuôi gà của gia đình ông Triệu Anh Tuấn được thiết kế xây dựng theo mô hình công nghiệp tiên tiến, được xử lý phân và nước thải theo hệ thống, không gây ô nhiễm môi trường. Sản phẩm khi cung cấp ra thị trường có truy suất nguồn gốc sản phẩm rõ ràng. Sản phẩm được tiêu thụ trong chuỗi liên kết sản xuất, phối hợp với các cơ quan truyền thông, các kênh thông tin facebook, zalo, messenger ... để quảng bá giới thiệu sản phẩm Gà thịt hữu cơ. Đồng thời ký hợp đồng liên kết với đơn vị bao tiêu sản phẩm đầu ra, liên kết với một số nhà hàng, cửa hàng thực phẩm sạch và bếp ăn tập thể trên địa bàn thành phố.

13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã:

Hiện nay trên địa bàn xã có 03 sản phẩm được sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Phú Thọ cấp mã tem để truy xuất nguồn gốc: Sản phẩm Hoa đào chất lượng cao tại khu 10, Mật ong Hoa nhãn của Hội nuôi ong xã Trung Vương tại Khu 12, Mô hình nuôi gà hữu cơ của gia đình ông Triệu Anh Tuấn tại khu 1. Đó là các sản phẩm được liên kết tạo ra sản phẩm có giá trị cao, mang lại lợi nhuận cho người dân, thúc đẩy sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, mở rộng thị trường đối với các sản phẩm chủ lực của xã.

13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử:

Hiện nay trên địa bàn xã Trung Vương có 03 sản phẩm chủ lực, trong đó có 02 sản phẩm được bán qua kênh thương mại điện tử là sản phẩm Mật ong Hoa nhãn Hội nuôi ong xã Trung Vương, Gà hữu cơ của gia đình ông Triệu Anh Tuấn chiếm tỷ lệ 66,7% trên tổng số sản phẩm chủ lực.

13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng:

Đối với vùng nguyên liệu tập trung nông sản chủ lực của địa phương: Xã đã cấp mã số vùng trồng đối với 01 sản phẩm là cây chuối, quy mô 1,6 ha. Với mô hình tổ hợp tác liên kết hoạt động hiệu quả, nhằm bảo đảm năng suất, chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm gắn với thị trường, nâng cao giá trị gia tăng, nhằm xây dựng mô hình tích tụ, tập trung, có lợi thế và lựa chọn phương thức sản xuất phù hợp, hiệu quả.

13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội: Đã triển khai và xây dựng chuyên mục giới thiệu về các di tích, điểm du lịch (*du lịch cộng đồng, du lịch cộng nguồn*) trên trang thông tin điện tử xã để thông tin về các điểm du lịch và thường xuyên tuyên truyền các hoạt động của Ủy ban MTTQ xã và các tổ chức đoàn thể của xã trang Facebook, zalo...trong 2 năm qua đã xây dựng, quảng bá được hơn 100 tin, bài...

13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường). Trên địa bàn xã hiện có 01 mô hình kinh tế phát triển nông thôn đó mô hình nuôi gà của gia đình ông Triệu Anh Tuấn tại khu 1 những năm qua với sự nỗ lực của Doanh nghiệp đưa sản phẩm đến người tiêu dùng với nhiều khác nhau như: Bán trực tiếp và bán qua kênh thương mại điện tử đã tạo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động từ 6->7 triệu đồng/tháng/người. Với tiêu chí là đáp ứng sản phẩm sản xuất thực phẩm theo hướng hữu cơ, đáp ứng nhu cầu của người dân.

- Kinh phí đã thực hiện: 750 triệu đồng.

c) Tự đánh giá tiêu chí số 13: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.14. Tiêu chí số 14: Y tế.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) quy định đạt $\geq 95\%$

14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 90\%$.

14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 40\%$

14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 70\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) quy định:

Công tác tuyên truyền sâu rộng trên hệ thống loa truyền thanh, tuyên truyền trực tiếp cho người dân thông qua các hội nghị tuyên truyền về vai trò và lợi ích của việc tham gia BHYT, hiện nay số người tham gia BHYT của xã Trung Vương tính đến thời điểm tháng 4/2023 là 8314/8603 (dân số có mặt tại địa phương) đạt tỷ lệ 96,64%.

14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)

Trạm y tế đã chỉ đạo cán bộ trạm y tế cập nhật thông tin của nhân dân vào phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử EHR. Tổng người dân được quản lý sức khỏe là 8038/8603 người, đạt tỷ lệ 93,43% số người được quản lý sức khỏe.

14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ):

- Trạm y tế đã xin ý kiến chỉ đạo từ Trung tâm y tế thành phố về chỉ tiêu này chưa đạt được vì chỉ có bệnh viện tuyến tỉnh khám chữa bệnh từ xa với bệnh viện tuyến Trung ương.

14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử:

Trạm y tế phối hợp với ban ngành xã và khu dân cư tuyên truyền người dân thực hiện cài đặt hồ sơ sức khỏe điện tử trên điện thoại thông minh đạt 6089/8603 người đạt tỷ lệ 70.8 % .

c) *Tự đánh giá tiêu chí số 14: Đạt so với yêu cầu tiêu chí (Đề nghị xem xét lại chỉ tiêu 14.3 và 14.4).*

2.15. Tiêu chí số 15: Hành chính công.

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính

15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.

15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

15.1. *Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính*

UBND xã đã triển khai, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng hệ thống thông tin một cửa điện tử trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định. Xây dựng và kiện toàn bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND xã. UBND xã đã trang bị đầy đủ máy tính kết nối internet khai thác và sử dụng ứng dụng công nghệ trong giải quyết các thủ tục hành chính. Riêng bộ phận tiếp nhận và trả kết quả được trang bị đã bố trí 03 máy tính, 03 máy in, 01 máy scan phục vụ công tác tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính thường xuyên rà soát cập nhật kịp thời. Công khai, minh bạch, đầy đủ và niêm yết 100% các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh kiến nghị của các nhân, tổ chức tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận và giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, tổ chức triển khai thực hiện kịp thời đề án chính quyền điện tử, đẩy mạnh việc số hóa các hồ sơ của công dân, Kết quả giải quyết các thủ tục hành chính đối với các hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của xã năm 2021, 2022, quý 1/2023 đạt 100%.

Đội ngũ cán bộ công chức cấp xã đảm bảo đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ lý luận, chính trị. 100% cán bộ công chức được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức kỹ năng số và an toàn thông tin, được tập huấn các nội dung của luật an ninh mạng 2018. Cán bộ công chức Xã Trung Vương đều sử dụng thành thạo kỹ năng quy trình tiếp nhận xử lý hồ sơ thủ tục hành chính trên cổng thông tin dịch vụ công Tỉnh Phú Thọ.

15.2 *Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.*

UBND xã Trung Vương đã tích cực triển khai tuyên truyền, đến các tổ chức cá nhân, hướng dẫn công dân nộp hồ sơ, cung cấp dịch vụ công mức độ 3,4 dịch vụ công trực tuyến, 100% hồ sơ dịch vụ công mức độ 3, 4 được tiếp nhận thông qua hình thức trực tuyến (các hồ sơ dịch vụ công mức độ 3, 4 được cung cấp chủ yếu trên lĩnh vực hộ tịch, đất đai cấp xã). Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến mức độ 3,4 đến tháng 3/2023 đạt 78%.

15.3 Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

UBND xã phấn đấu xây dựng một chính quyền thân thiện với nhân dân, vì nhân dân phục vụ lắng nghe ý kiến của nhân dân. Tôn trọng trong giao tiếp; văn minh, lịch sự, gần gũi trong quan hệ, giải quyết công việc nhanh chóng, chính xác. Không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung, bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện và không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ những nhiều, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính. Cảm ơn khi nhận được các ý kiến đóng góp của nhân dân. Xin lỗi khi nhận được ý kiến phản ánh chưa hài lòng về chất lượng phục vụ của cán bộ công chức, được nhân dân đánh giá cao, không có khiếu nại vượt cấp.

c) Tự đánh giá tiêu chí số 15: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.16. Tiêu chí số 16: Tiếp cận pháp luật.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận ≥ 1

16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành $\geq 90\%$

16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu $\geq 90\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận.

Thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quyết định số 619/QĐ-TTg, thực hiện tiêu chí thành phần 18.5 về xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật xã xây dựng nông thôn mới, UBND xã giao bộ phận chuyên môn thường xuyên phối hợp với các tổ chức chính trị, các khu dân cư đẩy mạnh các hoạt động ở khu có liên quan đến các tiêu chí, chỉ tiêu về nông thôn mới, chuẩn tiếp cận pháp luật.

Đã xây dựng 01 mô hình “Tô hòa giải” điểm tại khu dân cư số 12. Qua hoạt động mô hình để tuyên truyền phổ biến luật hòa giải ở cơ sở, tuyên truyền phổ biến pháp luật. Thông qua mô hình tô hòa giải điểm để tuyên truyền, phổ biến về cách hòa giải, sáng tạo trong việc giải quyết tranh chấp mâu thuẫn trong nhân dân, từ đó tạo sự lan tỏa trong cộng đồng. Qua hòa giải giữ được đoàn kết trong nhân dân, gắn bó tình làng nghĩa xóm.

Trong năm 2022 đã phối hợp tổ chức lồng ghép, tuyên truyền một số nội dung về an toàn giao thông, hôn nhân và gia đình; thông qua các hội nghị lồng ghép, hệ thống loa truyền thanh giúp cán bộ, nhân dân được tiếp cận với các quy định pháp luật thông qua nhiều hình thức, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc pháp lý tại địa phương. Đồng thời đã thực hiện kết nối trực tiếp việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật với hệ thống truyền thanh cấp xã để phục vụ đông đảo cán bộ, nhân dân tại cơ sở không có điều kiện về dự hội nghị.

Ngoài hình thức tuyên truyền thông qua hội nghị, hệ thống loa truyền thanh còn cấp phát tài liệu, tờ rơi để phục vụ cán bộ, nhân dân nghiên cứu, tìm hiểu các chính sách pháp luật mới, liên quan trực tiếp tới quyền, nghĩa vụ của người dân như: Giới thiệu văn bản, đề cương pháp luật, hỏi đáp pháp luật tại tủ sách pháp luật của các khu dân cư. Qua đó, đã kịp thời tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật đến cán bộ, nhân dân. Kịp thời tư vấn cho chính quyền, nhân dân trong giải quyết những vướng mắc, vụ việc của địa phương. Từ đó, đảm bảo việc thi hành Hiến pháp và pháp luật. Góp phần nâng cao chất lượng, vai trò của người dân trong việc thể hiện ý chí của mình, đối với những nội dung thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định pháp luật về dân chủ ở cơ sở.

16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành.

Để nâng cao chất lượng thực hiện tiêu chí về hòa giải ở cơ sở trong tiêu chí về chuẩn tiếp cận pháp luật, hàng năm UBND xã phối hợp các tổ chức chính trị, tổ hòa giải các khu dân cư tham dự đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở. Kết hợp giữa tuyên truyền, phổ biến pháp luật tại cơ sở với bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật mới cho tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên ở cơ sở.

Năm 2022 đã hòa giải thành 03/03 vụ đạt tỉ lệ 100% Việc hòa giải thành được thực hiện ngay từ cơ sở, ngay từ khi mâu thuẫn tranh chấp, mới phát sinh. Vì vậy đã giải quyết mâu thuẫn tranh chấp trong nhân dân, đã góp phần giữ gìn an ninh trật tự trong cộng đồng dân cư.

16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu

Bảng thông tin trợ giúp pháp lý được niêm yết tại trụ sở UBND xã, tại phòng tiếp dân, tại 9 khu dân cư trong toàn xã, người dân thuận tiện trong việc thấy rõ địa chỉ của trung tâm trợ giúp pháp lý, nội dung trợ giúp pháp lý, đối tượng được trợ

giúp pháp lý, để được trợ giúp pháp lý khi yêu cầu. Trong năm qua không có người dân nào có yêu cầu trợ giúp pháp lý.

c) Tự đánh giá tiêu chí số 16: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.17. Tiêu chí số 17: Môi trường.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường:

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. Đạt 100%

17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định $\geq 80\%$

17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả $\geq 25\%$

17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 50\%$

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Đạt 100%

17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường $\geq 80\%$

17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường $\geq 75\%$

17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch

17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng $\geq 5\%$

17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 4 \text{ m}^2/\text{người}$

17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định $\geq 50\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường:

Trên địa bàn xã Trung Vương không có khu kinh doanh dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản tập trung.

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

Trên địa bàn xã có 01 cơ sở sản xuất kinh doanh, chăn nuôi gia súc là hộ gia đình ông: Triệu Anh Tuấn ở khu 1 với diện tích: 3 ha xây dựng hệ thống chuồng trại

chăn nuôi sạch, quy mô công nghiệp được ứng dụng mô hình công nghệ tiên tiến về môi trường. Xử lý phân, nước thải, không gây ô nhiễm môi trường, hệ thống chuồng trại được bố trí thành khu riêng biệt, thiết kế xây dựng theo mô hình công nghiệp tiên tiến, hệ thống cung cấp xử lý nước, vòi tự động, đèn sưởi, đèn chấn gió, hệ thống làm mát...đảm bảo đúng tiêu chuẩn, không gây ô nhiễm môi trường.

Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường có 11 cơ sở: Có 06 hộ nuôi lợn có quy mô từ 30 con trở lên và 05 hộ nuôi gia cầm tất cả các hộ. Các hộ chăn nuôi đều được ứng dụng chế phẩm sinh học, có hệ thống giàn làm mát, hệ thống quạt hút gió và phun nước tự động khép kín cung cấp giống, thức ăn và tiêu thụ sản phẩm, công nghệ chăn nuôi đảm bảo môi trường cách xa khu dân cư, chất thải chăn nuôi được xử lý đảm bảo quy định. Công tác phòng trừ dịch bệnh được đảm bảo định kỳ hàng năm 2 đợt tiêm vaxin phòng dịch theo quy định.

17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định:

Công ty cổ phần dịch vụ môi trường đô thị thành phố Việt Trì là đơn vị trực tiếp thực hiện việc thu gom và xử lý rác thải trên địa bàn xã, ký hợp đồng trực tiếp với các khu dân cư dưới sự chỉ đạo giám sát thực hiện của UBND; Công tác thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt bằng cách: Các hộ gia đình thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt ngay tại nguồn. Thường xuyên tuyên truyền bằng nhiều hình thức lồng ghép vào các hội nghị, trên hệ thống loa truyền thanh...để hướng dẫn người dân phân loại rác thải đúng quy định, sau đó tập kết ra trước cửa nhà đã quy định trong khu dân cư sau đó Công ty cổ phần dịch vụ môi trường đô thị thành phố Việt Trì có Tổ thu gom tập kết vận chuyển đến bãi thu gom rác thải để xe vận chuyển xử lý theo quy định, định kỳ hàng ngày vận chuyển đi xử lý đạt tỉ lệ = 100%.

Đối với chất thải rắn không nguy hại của cơ quan đơn vị, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các hộ gia đình chủ yếu là đất, đá, bê tông... xây dựng nhà ở, tận dụng để làm nền nhà và những loại chất thải rắn hữu cơ đào lấp để trồng cây tại vườn, rác vô cơ đem đi xử lý đảm bảo quy định về môi trường. Chất thải rắn không nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường; Tuy nhiên do đặc thù xã Trung Vương đang là nơi có rất nhiều dự án, công trình đang thi công trên địa bàn nên việc đổ rác thải rắn một số khu vực còn có hiện tượng xả đổ chất thải rắn lén lút, trái phép, không đúng nơi quy định...

17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả.

Trên địa bàn xã Trung Vương các hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp bằng biện pháp khi nước thải từ hộ gia đình được thải ra được thu gom vào bể tự hoại sau đó thải ra rãnh thoát nước được đậy nắp, sau đó thải vào hệ thống tiêu thoát nước của xã quản lý. Nhìn chung hệ thống thoát

nước thường xuyên được khơi thông, làm sạch đảm bảo vệ sinh, toàn bộ nước thải đều được xử lý trước khi thải ra môi trường, không có hiện tượng nước chảy tràn, đổ thải bừa bãi ra đường làng ngõ xóm, gây ô nhiễm môi trường. Tổng số: 2.195/2.575 hộ ở chung nhà, đạt 85,24 %.

17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.

UBND xã phối hợp với các tổ chức, đoàn thể như Hội LH Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh xã thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân tự giác phân loại rác tại hộ gia đình để tiến hành xử lý các loại rác thải theo quy định. Đến nay có 2.195/2.575 hộ ở chung nhà, đạt 85,24 các hộ gia đình trên địa bàn xã đã thực hiện phân loại chất thải rắn tại gia đình bằng phương pháp tận dụng để tái sử dụng vào mục đích phù hợp như: Đối với chất thải rắn là đất, đá... người dân tận dụng để san lấp vườn, đối với chất thải là tre, gỗ có thể tận dụng để làm chất đốt... đối với rác thải rắn có khả năng tái chế được phân loại và có cơ sở hợp đồng thu mua, số chất thải rắn còn lại được vận chuyển về vị trí tập kết theo quy định.

UBND xã đã phối hợp với UB MTTQ xã chỉ đạo các Khu dân cư, ban công tác mặt trận xây dựng Quy ước thực hiện nếp sống văn hóa đảm bảo đúng quy trình, quy định. Tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh và tổ chức hội nghị chuyên đề, lồng ghép vào các hội nghị và trên trang thông tin điện tử về công tác môi trường, 100% các hộ dân đều cam kết thực hiện đúng quy định về môi trường tại địa phương, lần đầu nhắc nhở trên hệ thống loa truyền thanh, lần 2 xử phạt vi phạm hành chính. Từ đó góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của mỗi người dân trong việc bảo vệ môi trường, làm giảm tình trạng vứt rác thải, chất thải gây ô nhiễm môi trường.

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Trên địa bàn xã rác thải rắn nguy hại thuộc các loại như: Ti vi, tủ lạnh, máy tính, đèn điện quang ... được các hộ phân loại tại nguồn và xử lý theo quy định, không gây ô nhiễm môi trường.

Trên địa bàn xã các cơ sở sản xuất có chất thải nguy hại như: Cơ sở cơ khí, sản xuất khung nhôm kính... Tổng số 16 cơ sở đều đảm bảo công tác môi trường, nhằm giảm thiểu sử lý bụi, khí thải, đảm bảo không phát tán khí độc hại ra môi trường, kiểm soát tiếng ồn, độ rung, đảm bảo nguồn lực trang thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Số chất thải nguy hại do cơ sở phát sinh đã được UBND xã hướng dẫn phối hợp với đơn vị thu gom tiến hành xử lý theo quy định. Tổng số chất thải rắn nguy hại được thu gom và xử lý: 3,7/3,7 tấn đạt tỉ lệ 100%

17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường

Hiện nay chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp trên địa bàn xã được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường là 116,2/127,5 tấn đạt tỉ lệ 91,13%. Tổng khối lượng chất thải phát sinh cụ thể:

Đối với chất thải hữu cơ dễ phân huỷ được phân loại và tái sử dụng để ủ làm phân bón cho cây trồng hàng năm, hầu hết được xử lý trên đồng ruộng cây vùi làm phân bón. Cây trồng cây lâu năm được thu gom ủ gốc cây ăn quả, để hạn chế cỏ dại làm phân bón cho cây trồng, đảm bảo cây sinh trưởng và phát triển tốt, hiệu quả.

Đồng thời đối với chất thải, nước thải trong chăn nuôi được bà con thu gom để bón cho cây trồng, một số hộ sử dụng hầm bioga làm chất đốt.

Phụ phẩm nông nghiệp: Chất thải phụ phẩm nông nghiệp trên địa bàn xã chủ yếu là rơm rạ, cây ngô, cây chuối... Rơm rạ và cây ngô bà con thu gom để làm thức ăn chăn nuôi, số cây chuối đã thu hoạch buồng quả nhân dân tận dụng làm thức ăn chăn nuôi hoặc sử dụng để phủ gốc chống cỏ cho cây, một số trang trại chăn nuôi tổ chức thu gom làm thức ăn gia súc, làm nấm...

17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường:

Trên địa bàn xã có 12 hộ chăn nuôi (Trong đó: 1 trang trại và 11 nông hộ) chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 83,3 %, chuồng trại được đầu tư hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi bằng Bioga và chế phẩm sinh học để ủ phân để xử lý trước khi bón cho cây trồng. Hướng dẫn khử trùng và xử lý khi có dấu hiệu của dịch bệnh, các hộ chăn nuôi đều ký cam kết bảo vệ môi trường với UBND xã, đảm bảo đúng quy định.

17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch:

Xã Trung Vương không có cơ sở hỏa táng, xã có 3 khu vực nghĩa trang nhân dân để hungr táng và 04 khu vực nghĩa trang cát táng và 01 nghĩa trang liệt sỹ. Nghĩa trang trên địa bàn xã được quy hoạch theo khu vực riêng biệt, có phạm vi ranh giới và diện tích cụ thể, có Tiểu ban quản lý, có quản trang để quản lý việc chôn cất, cải táng đảm bảo vệ sinh môi trường. UBND xã ban hành quy chế quản lý nghĩa trang nhân dân phù hợp với tín ngưỡng, phong tục tập quán, truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh hiện đại. UBND xã ban hành các văn bản điều hành, quy hoạch bố trí sắp xếp các vị trí hungr táng, cải táng theo đúng quy định, đảm bảo cách ly an toàn, có phân lô, hàng... diện tích hungr táng: 05m²/mộ, diện tích cải táng : 03 m²/mộ

17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng:

Tuyên truyền vận động nhân dân sử dụng hình thức hỏa táng trong việc tang, góp phần thực hiện có hiệu quả cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa các khu dân cư, góp phần bảo vệ môi trường, tiết kiệm đất đai, kiểm

soát được ô nhiễm và tiết kiệm đất đai và hướng. Thực hiện quy ước nếp sống văn minh trong việc tang, khuyến khích nhân dân sử dụng hình thức hỏa táng làm ma khô. Trong năm 2021 - 2022 có 103/106 trường hợp công dân chết sử dụng hình thức hỏa táng đạt tỷ lệ 97,16 %.

17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn:

Địa phương thường xuyên quan tâm, chú trọng đến công tác trồng cây xanh tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn. Các tuyến đường trên các trục đường liên xã, liên thôn, liên xóm và các ngõ xóm, các khu đô thị mới... trồng được: 6.400 m cây xanh đường giao thông với tổng số 520 cây trị giá số tiền 8,2 tỉ đồng. Đặc biệt UBND xã đầu tư trồng nhiều vườn hoa, cây xanh trên các vỉa hè trục đường chính và khuôn viên các di tích LSVH, công trình công cộng trên địa bàn xã như trường học, trạm y tế, trụ sở UBND xã, các nhà văn hóa, nơi hoạt động cộng đồng. Đặc biệt UBND xã đầu tư trồng 4.623 cây, hoa các loại; Với tổng số tiền đầu tư: 178,656 triệu đồng (chi bằng nguồn ngân sách) Bên cạnh đó, đã phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội của địa phương thành lập tổ tự quản tuyên truyền, vận động nhân dân trồng cây xanh, vệ sinh đường làng ngõ xóm, khơi thông cống rãnh, vận động các gia đình chỉnh trang nhà cửa đảm bảo cảnh quan môi trường: Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại các khu dân cư với diện tích bao phủ là 39,5 ha, bình quân đạt 4,6 m²/người.

17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.

Chất thải nhựa chủ yếu phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày như: Thìa, đĩa, ly, cốc, dụng cụ khác ...của các hộ gia đình, cá nhân từ các cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ. UBND xã xây dựng kế hoạch về triển khai hướng dẫn tuyên truyền vận động tới tổ chức chính trị xã hội và khu dân cư để vận động người dân thu gom tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa. Từ đó người dân nâng cao ý thức về công tác bảo vệ môi trường, nâng cao ý thức, không thải bỏ trực tiếp vào hệ thống thoát nước, ao hồ, kênh mương và được thu gom tái sử dụng theo quy định. Tổng khối lượng chất thải nhựa tái chế, tái sử dụng: 108 tấn/108 tấn đạt 100%, các hộ cam kết thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn và xử lý theo quy định, đạt 100%).

- Kinh phí đã thực hiện: 324 triệu đồng.

c) Tự đánh giá tiêu chí số 17: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.18. Tiêu chí số 18: Chất lượng môi trường sống.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung là $\geq 35\%$

18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm là ≥ 60 lít

18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững là $\geq 25\%$

18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm là 100%

18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi xã quản lý

18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm là 100%

18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch là $\geq 80\%$

18.8 Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

18.1. Theo kết quả điều tra của bộ phận thống kê về nhân khẩu, hộ, lao động và nhà ở toàn xã có 2.195/2.575 hộ ở chung nhà đang dùng nước sạch do công ty TNHH một Thành viên cấp nước Phú Thọ cung cấp nước, đạt tỷ lệ 100% các hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung.

18.2. Thường xuyên rà soát đánh giá hiện trạng sử dụng nước của người dân, chất lượng, mức độ hoạt động của công trình cấp nước, hàng năm Công ty có kế hoạch sửa chữa, cải tạo, nâng cấp công trình bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo đáp ứng quy chuẩn của Bộ y tế, có hỗ trợ kỹ thuật xử lý nước an toàn đến tận hộ gia đình, không để ô nhiễm nguồn nước. Hàng năm UBND xã phối hợp với Công ty tổ chức hội nghị tập huấn, tuyên truyền hướng dẫn người dân sử dụng an toàn, hiệu quả, khuyến khích vận động người dân tham gia đấu nối sử dụng nước an toàn tiết kiệm. Tỷ lệ cấp nước sinh hoạt đạt bình quân: 714.049 lít /8.603 người/ngày đêm, đạt chuẩn bình quân là 83 lít/ người/ngày đêm.

18.3. Trên địa bàn xã không có công trình cấp nước tập trung. Việc cung cấp nước sạch sinh hoạt cho nhân dân do công ty TNHH một thành viên cấp nước Phú Thọ cung cấp.

18.4. Công tác An toàn thực phẩm được địa phương triển khai có hiệu quả các hoạt động quản lý, thanh tra, kiểm tra về vệ sinh an toàn thực phẩm tại các cơ sở, các hộ kinh doanh thực phẩm. Hàng năm, UBND xã xây dựng chương trình, nội dung và tổ chức tập huấn cho các hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn. Phân công cán bộ chuyên môn tổng hợp danh sách các hộ kinh doanh theo từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Năm 2022 có 74/74 người đại diện hộ gia đình và cá nhân, tập thể được tập huấn và được ngành cấp trên cấp chứng chỉ về đảm bảo an toàn trong kinh doanh thực phẩm trên địa bàn, đạt tỷ lệ 100% .

18.5. Công tác tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, liên tục đặc biệt trong các dịp lễ, các ngày tết, ngày kỷ niệm. Hình thức tuyên truyền phong phú, đa dạng như treo Băng zôn, khẩu hiệu. Tuyên truyền tại các hội nghị, hệ thống loa truyền thanh để nhân dân và đặc biệt các hộ sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải đảm bảo an toàn trong chế biến và kinh doanh. Thấy rõ tầm quan trọng của công tác an toàn thực phẩm trong đời sống nhân dân, Đảng bộ, chính quyền địa phương luôn chỉ đạo sát sao công tác đảm bảo an toàn trong các dịp Lễ, tết và trong cuộc sống hàng ngày của người dân. Thực hiện ký cam kết theo chu kỳ 1 năm /1 lần đối với các hộ và chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn về đảm bảo an toàn trong chế biến, sản xuất, kinh doanh thực phẩm, 100% các hộ đã thực hiện ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm. Vì vậy tại địa phương không có vụ việc nào xảy ra về mất an toàn thực phẩm trong nhiều năm trở lại đây.

18.6. Trên địa bàn có 24/24 cơ sở chế biến và kinh doanh thực phẩm được kiểm tra, đánh giá hàng năm và được cấp chứng nhận về đảm bảo về an toàn thực phẩm. Đạt tỷ lệ 100%. Hàng năm, các cơ sở được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm, thực hiện ký cam kết về đảm bảo an toàn thực phẩm. Trong nhiều năm gần đây, địa phương không có vụ ngộ độc thực phẩm nào xảy ra.

18.7. Toàn xã có 1814/2195 hộ ở chung nhà có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch, đạt tỷ lệ 82,64% trên tổng số hộ ở chung nhà toàn xã. Trên địa bàn xã Trung Vương không có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt.

18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường: Trên địa bàn xã hiện không có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt mà thực hiện xử lý rác thải rắn tại điểm tập chung xử lý rác thải rắn của thành phố Việt Trì có vị trí tại xã Sông Lô, 100% đảm bảo công tác vệ sinh môi trường, không ô nhiễm môi trường do rác thải gây ra.

Kinh phí đã thực hiện: 50.689 triệu đồng

c) Tự đánh giá tiêu chí số 18: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.19. Tiêu chí số 19: Quốc phòng an ninh.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân

19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.

Hàng năm Ban CHQS xã chủ động tham mưu với Đảng ủy, ban hành Nghị quyết lãnh đạo công tác quân sự quốc phòng năm và các nghị quyết chuyên đề về công tác tuyển quân; huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu...các kế hoạch về công tác đảng, công tác chính trị. Tham mưu cho UBND xã xây dựng Kế hoạch chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác quân sự, quốc phòng năm, các Kế hoạch dài hạn, ngắn hạn về thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, nhiệm vụ Huấn luyện, xây dựng lực lượng, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, kế hoạch trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ các ngày lễ, tết trong năm.

Ban CHQS xã được tổ chức biên chế đúng theo Luật DQTV đủ các chức danh, đảm bảo đủ tiêu chuẩn trình độ theo quy định. Chỉ huy trưởng, phó Chỉ huy trưởng có bằng chuyên môn Cao Đẳng quân sự. Hàng năm được tham gia tập huấn bồi dưỡng đầy đủ về chính trị quân sự, pháp luật, nghiệp vụ chuyên môn.

- Lực lượng dân quân được biên chế đủ, tổ chức 1 trung đội dân quân cơ động gồm 28 đ/c, lực lượng dân quân tại chỗ 27 đ/c; lực lượng dân quân các binh chủng 18 đ/c. Lực lượng dân quân hàng năm được tổ chức huấn luyện, luyện tập, diễn tập các phương án tác chiến, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng địa phương, tham gia nòng cốt đội xung kích phòng chống thiên tai, diễn tập chiến đấu phòng thủ, phòng thủ dân sự hàng năm. Lực lượng dự bị động viên được đăng ký, quản lý quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật theo quy định của luật, sẵn sàng động viên khi có lệnh.

Thực hiện tốt việc tuyển sinh quân sự, Tổ chức đăng ký, quản lý chặt chẽ công dân nam trong độ tuổi nghĩa vụ quân sự sẵn sàng nhập ngũ, hàng năm hoàn thành 100% chỉ tiêu gọi công dân nhập ngũ đảm bảo chất lượng. Xã đã ưu tiên bố trí ngân sách, thực hiện chi trả chế độ đầy đủ, đúng, cho lực lượng dân quân, dự bị động viên. Làm tốt chính sách hậu phương quân đội.

Quán triệt và tuyên truyền vận động nhân dân chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc. Tuyên truyền nắm bắt định hướng dư luận, những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch. Kịp thời khen thưởng động viên những tập thể cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ của lực lượng dân quân, dự bị động viên.

19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên...

Hàng năm Công an xã chủ động tham mưu Đảng ủy ban hành nghị quyết chuyên đề về lãnh đạo công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, tham mưu UBND xã xây dựng các kế hoạch thực hiện theo các chuyên đề riêng. Công an xã là lực lượng nòng cốt đảm bảo an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội.

Tập thể công an xã năm 2022 đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Ngay từ đầu năm, 100% các khu dân cư thực hiện đăng ký phần đầu đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự, 100% các hộ dân khu dân cư đăng ký phần đầu xây dựng khu dân cư “An toàn về an ninh trật tự”.

Xây dựng mô hình camera an ninh, lắp đặt 54 camera an ninh tại các khu vực trọng điểm trên địa bàn 09 khu dân cư trong toàn xã phục vụ cho công tác đảm bảo an ninh trật tự. Mô hình “ Phòng chống xâm hại trẻ em” góp phần đảm bảo an toàn, an ninh trật tự, thực hiện tốt công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em trên địa bàn xã.

Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc” được đông đảo người dân, các tổ chức, các đơn vị, các doanh nghiệp tích cực hưởng ứng, tạo phong trào hoạt động sôi nổi, rộng khắp, góp phần kiềm chế giảm tội phạm và tệ nạn xã hội.

Hoạt động của các tổ chức tự quản được củng cố và duy trì thường xuyên. Kiện toàn 09 ban ANTT gồm 136 thành viên, 84 tổ liên gia tự quản gồm 2.575 hộ gia đình tham gia. Thành lập 09 đội dân phòng PCCC tại 09 khu dân cư, 1 Tổ liên gia an toàn phòng cháy chữa cháy. Hoạt động của các tổ chức tự quản gắn với phong trào Toàn dân bảo vệ ANTQ đã góp phần đảm bảo an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã được đảm bảo.

- Kinh phí đã thực hiện: 214,472 triệu đồng

c) Tự đánh giá tiêu chí số 19: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đã làm được:

Được sự lãnh chỉ đạo sát sao của Thành ủy, UBND thành phố Việt Trì, sự ủng hộ giúp đỡ của các phòng, ban chuyên môn của Thành phố, sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự vào cuộc của UB MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, được nhân dân và tổ chức, doanh nghiệp đồng tình ủng hộ tham gia. Công tác tuyên truyền được triển khai sâu rộng bằng nhiều hình thức, huy động được cả hệ thống chính trị tham gia, thay đổi nhận thức, tư duy của người dân về xây dựng nông thôn mới ngày càng nâng cao nên đã đạt được kết quả bước đầu quan trọng, tạo động lực cho sự chuyển biến tích cực về tư tưởng, nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân về quan điểm, mục tiêu của chương trình đối với việc cải thiện đời sống người dân, được người dân đồng lòng hưởng ứng.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở: Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng. Xây dựng nông thôn mới nâng cao là đem lại lợi ích trực tiếp cho chính nhân dân. Từ đó nhân dân hăng hái tham gia hưởng ứng, cùng nhau thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao.

Xác định cụ thể, mục tiêu, lộ trình triển khai các tiêu chí phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội được địa phương triển khai trọng tâm, trọng điểm theo hướng

ưu tiên, có những giải pháp nhằm huy động sức dân, ưu tiên nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng về giao thông, thủy lợi, giáo dục, y tế, môi trường .. nhờ đó bộ mặt nông thôn có chuyển biến tích cực. Công tác tuyên truyền vận động, huy động các nguồn lực cùng với địa phương đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, thực hiện công tác giảm nghèo và các chính sách an sinh xã hội được thực hiện rộng khắp. Các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng được đầu tư đưa vào sử dụng, tạo nhiều thuận lợi trong việc đi lại, vận chuyển, áp dụng cơ giới hóa sản xuất, kết cấu hạ tầng ngày càng hoàn chỉnh, cảnh quan môi trường được cải thiện, nhà ở dân cư được xây dựng chỉnh trang, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được cải thiện; an ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Hệ thống chính trị thường xuyên được củng cố và hoạt động có hiệu quả hơn, tạo được niềm tin của nhân dân vào đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Sau khi sáp nhập các khu dân cư, thì khu dân cư số hộ của khu tăng lên, trong khi đó quỹ đất các nhà văn hóa cũ hạn chế, khó đáp ứng được nhu cầu của tất cả các hộ trên địa bàn khu. Việc vận động nhân dân chung tay, góp sức chỉnh trang tu sửa nhà văn hóa, xây dựng nhà văn hóa theo quy hoạch có khu còn gặp nhiều khó khăn.

- Trong quy hoạch và phát triển sản xuất nông nghiệp đã xây dựng được nhiều mô hình có hiệu quả nhưng quy mô còn nhỏ, sức lan toả còn chậm, chưa có nhiều tổ chức sản xuất hiệu quả, ứng dụng khoa học công nghệ cao vào sản xuất còn hạn chế. Việc thực hiện liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp và nông dân đã được hình thành nhưng kết quả còn chưa cao.

- Nguồn vốn đầu tư cho hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản đáp ứng được yêu cầu đối với các tiêu chí nông thôn mới nhưng vẫn còn hạn chế so với tổng mức vốn đầu tư theo quy hoạch của xã.

- Việc chuyển dịch cơ cấu lao động, thu hút nguồn lực đầu tư của doanh nghiệp ở các xã trong xây dựng nông thôn mới nâng cao còn hạn chế. Một bộ phận người dân chưa thực sự quyết liệt việc phát triển ngành nghề sản xuất, chuyển dịch cơ cấu lao động.

3. Bài học kinh nghiệm:

Một là: Được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Việt Trì, sự quan tâm của Văn phòng Điều phối chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ và kế hoạch triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả của Đảng ủy, UBND xã. Nhân dân trong xã vốn có truyền thống đoàn kết, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của

địa phương; sử dụng hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ sản xuất, đồng thời phát huy tính tự quản của cộng đồng khu dân cư.

Hai là: Giữ vững ổn định về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - văn hóa, tăng cường công tác kiểm tra giám sát thực hiện nghị quyết, thường xuyên chỉ đạo nắm bắt tình hình ở cơ sở để giải quyết những vướng mắc, khó khăn.

Ba là: Làm tốt công tác tuyên truyền về tầm quan trọng của chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao tới cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã hưởng ứng tích cực với nhiều hình thức, hoàn thành mục tiêu đề ra. Phát huy sức mạnh đoàn kết, phát huy tính năng động, sáng tạo của mỗi cán bộ, đảng viên và từng người dân. Thực hiện tốt pháp lệnh dân chủ ở cơ sở trong việc bàn bạc thống nhất triển khai và tổ chức thực hiện, nâng cao vai trò của người dân để “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra dân thụ hưởng*”; thực hiện tốt việc công khai, minh bạch nhất là trong huy động các nguồn lực đầu tư.

Bốn là: Sử dụng có hiệu quả nguồn nội lực, tranh thủ tối đa sự ủng hộ của Nhà nước, tổ chức và các cá nhân để đầu tư thay đổi diện mạo nông thôn, nâng cao đời sống người dân; sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, vận dụng cơ chế chính sách đảm bảo phù hợp, đúng pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư và các dự án vào địa phương.

4. Những mô hình xây dựng nông thôn mới:

- Xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu Khu 7 kinh phí 1,630 triệu đồng (xây mới nhà văn hóa: 1.630 triệu đồng, làm Nhà vòm đa năng, nâng cấp đường giao thông, rãnh thoát nước, chỉnh trang đường làng, trồng hoa 730 triệu đồng); Tu sửa nhà văn hóa khu 9 số tiền 658 triệu đồng; Làm Nhà vòm đa năng Khu 8 số tiền 865 triệu đồng...

- Trùng tu tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn xã số tiền là: 4.057 triệu đồng (trong đó tôn tạo di tích Quốc gia đình Ngoại Lâu Thượng số tiền: 2.184 triệu đồng; Tôn tạo Lăng Ba Đô sĩ: 1.873 triệu đồng...)

- Xây dựng cải tạo sân Trung tâm văn hóa thể dục thể thao xã Trung Vương là 4.227 triệu đồng.

- Xóa nhà tạm hộ gia đình bà Nguyễn Thị Tăng, khu 8, xã Trung Vương, Quỹ Vì người nghèo xã Trung Vương trao số tiền 10 triệu đồng.

- Xóa nhà tạm hộ gia đình: ông Nguyễn Trọng Khánh, khu 10, xã Trung Vương, Quỹ Vì người nghèo xã Trung Vương trao số tiền 10 triệu đồng.

- Xóa nhà tạm hộ gia đình: ông Cao Văn Hùng, khu 7, xã Trung Vương, Quỹ Vì người nghèo xã Trung Vương trao số tiền 10 triệu đồng.

- Đầu tư xây dựng Nhà lớp học 3 tầng, mua sắm trang thiết bị trường THCS Trung Vương số tiền 5.992 triệu đồng; Sửa chữa 02 nhà lớp học 1 tầng trường Mầm non với số tiền 1.897 triệu đồng; Cải tạo nhà điều hành, sửa chữa nhà lớp học

2 tầng 8 phòng trường Tiểu học với số tiền 5.605 triệu đồng. Ngoài ra còn một số dự án đang thực hiện tại 03 nhà trường như: *(Cải tạo nâng cấp sân trường, nhà để xe trường Mầm non với số tiền 1.207 triệu đồng; Trường Tiểu học số tiền 553 triệu đồng; sửa chữa nhà điều hành, cổng trường, tường rào và các hạng mục phụ trợ trường THCS Trung Vương số tiền 1.789 triệu đồng)...*

VI. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

1. Quan điểm:

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trong đó có xây dựng nông thôn mới nâng cao là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước để phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả hệ thống chính trị.

Đây là cuộc vận động rộng rãi, thu hút các nguồn lực trong toàn xã hội cùng tham gia, trong đó cấp ủy Đảng và chính quyền cơ sở đóng vai trò lãnh đạo, điều hành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội có nhiệm vụ tuyên truyền, vận động; người dân vừa là chủ thể thực hiện vừa là đối tượng thụ hưởng thành quả đạt được.

2. Mục tiêu

Xây dựng và hoàn thiện các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao theo hướng phát triển bền vững. Đối với các tiêu chí đã đạt, tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí, nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Tiếp tục đầu tư phát triển kinh tế, đẩy mạnh sản xuất, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, tiếp tục mở rộng các ngành nghề. Tạo điều kiện tốt nhất về đất đai, thủ tục hành chính, quảng bá hình ảnh, thu hút mạnh mẽ các nhà đầu tư vào địa bàn xã, để thu hút lao động, giải quyết việc làm cho lao động tại địa phương, giảm nghèo bền vững, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thu nhập của người dân. Chăm lo đầu tư cho giáo dục đào tạo, xây dựng xã hội học tập để nâng cao dân trí. Thực hiện tốt công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Không ngừng nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của người dân nông thôn. Nâng cao chất lượng cuộc sống của mỗi người dân trên địa bàn xã Trung Vương, thành phố Việt Trì.

Tăng cường xây dựng đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ, có phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, có khả năng tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng Nông thôn mới.

Đối với những tiêu chí đã hoàn thành, hướng tới mục tiêu tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu để phấn đấu thực hiện. Mục tiêu dài hạn sau khi đạt Xã nông thôn mới nâng cao, hướng tới phấn đấu xây dựng các tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu. Phấn đấu xây dựng quê hương Trung Vương thành phường và là nơi đáng sống.

3. Nội dung, giải pháp:

Nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên. Phân công trách nhiệm cụ thể từng cấp uỷ, cán bộ chính quyền, cán bộ đoàn thể phụ trách nội dung của chương trình xây dựng Nông thôn mới. Thường xuyên kiểm tra để kịp thời phát hiện hạn chế khuyết điểm, đề ra giải pháp khắc phục, phát huy ưu điểm để chương trình xây dựng Nông thôn mới thực sự là trách nhiệm của từng người dân.

Xây dựng khối đoàn kết toàn dân, lắng nghe các ý kiến đóng góp, phản biện của nhân dân. Lấy sự đồng thuận, sự hài lòng của người dân là mục đích để tập hợp thu hút người dân chung tay xây dựng nông thôn mới. Lấy mục đích không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người dân là mục đích của xây dựng Nông thôn mới, giải pháp cụ thể như sau:

1. Tiếp tục nâng cấp bảo trì các tuyến đường trục xã, đường trục khu dân cư, đường ngõ xóm đảm bảo theo quy định của Bộ GTVT; nâng cao tỷ lệ tuyến đường có trồng cây xanh, bóng mát, các tuyến đường được giao cho các tổ chức đoàn thể tự quản được phát quang vệ sinh thường xuyên.

2. Tiếp tục triển khai thực hiện quy hoạch các vùng sản xuất trọng điểm, đặc biệt chú trọng phát triển các sản phẩm chủ lực của địa phương (chuối, mật ong, hoa đào..... các loại nông sản khác...). Tiếp tục tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật và nhân rộng diện tích cây trồng có năng suất và giá trị sản phẩm cao hơn. Thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với các sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, thực hiện cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp với các cây trồng chủ lực, có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, nhân rộng mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ, tuần hoàn. Tiếp tục đẩy mạnh công tác quảng bá sản phẩm và mở rộng thị trường các mặt hàng thế mạnh của địa phương.

3. Tiếp tục huy động mọi nguồn lực để nâng cấp các cơ sở hạ tầng thiết yếu, đầu tư cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa của nhà văn hóa của khu dân cư...đảm bảo 100% nhà văn hóa các khu dân cư xung quanh được trồng cây xanh, sân thể thao tại các khu dân cư được vệ sinh sạch sẽ, có các trang thiết bị phù hợp với từng loại hình thể thao.

4. Đẩy mạnh công nghệ thông tin trong quản lý và đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục, chất lượng học sinh giỏi. Tăng cường công tác xã hội hoá giáo dục, tập trung huy động mọi nguồn lực đầu tư xây dựng và trang bị cơ sở vật chất cho các trường học để đáp ứng nhu cầu dạy và học.

Tiếp tục tuyên truyền vận động nhân dân tham gia mua thẻ bảo hiểm y tế, phấn đấu bao phủ Bảo hiểm y tế toàn dân trên địa bàn xã. Nâng cao chất lượng và phát triển rộng rãi phong trào xây dựng gia đình văn hoá, khu dân cư văn hoá, xã văn hoá gắn với cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới*". Đẩy mạnh công tác xã hội hoá trong việc huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng

các thiết chế văn hoá. Tiếp tục tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường. Chỉ đạo các gia trại, các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn làm tốt các khâu xử lý chất thải không làm ảnh hưởng đến môi trường.

5. Xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và giữ gìn an ninh trật tự xã hội. Thực hiện tốt Pháp lệnh dân chủ cơ sở; các khu dân cư thực hiện hiệu quả các quy ước nếp sống văn hóa. Duy trì thực hiện tốt việc giải quyết các thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công, nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến; xây dựng triển khai, áp dụng chính quyền điện tử. Không ngừng nâng cao đạo đức công vụ của cán bộ, công chức UBND xã, chấp hành nghiêm các quy định pháp luật và quy chế làm việc của cơ quan.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới nâng cao đến năm 2022 của xã Trung Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. UBND xã kính đề nghị UBND tỉnh Phú Thọ, UBND thành phố Việt Trì các Sở, Ban ngành của tỉnh Phú Thọ thẩm định xét công nhận xã Trung Vương đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Phú Thọ;
- BCĐ các chương trình MTQG tỉnh;
- VPĐP CTMTQG XDNTM tỉnh;
- UBND thành phố Việt Trì;
- BCĐ XDNTM NC xã;
- Các Tổ chức chính trị -XH xã;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hà